

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ ĐỨC VÂN
(1950-2015)**

UNIVERSITY OF
SOUTH ALABAMA
(2000 2002)

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ ĐỨC VÂN
HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ ĐỨC VÂN
(1950-2015)**

NHÀ XUẤT BẢN HANH NIÊN

HỘI CHỮ HẠNH QUANG BỒ XÃ ĐỨC VÂN
HUYỆN NGUYỄN SƠN, TỈNH HÀC LÂN

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ ĐỨC VÂN
(1950-2015)

NHÀ XUẤT BẢN HÀNH MIỀN



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)
NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA



BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Đinh Xuân Dĩnh

Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã - Trưởng ban

Lô Văn Đoán

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Phó ban

Lương Văn Luận

Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND - Phó ban

Lý Thị Thúy

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân - Ủy viên

Bế Thị Chi

Văn phòng Đảng ủy - Ủy viên

BAN SỬU TÂM TƯ LIỆU

Lô Văn Đoán

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Trưởng ban

Trần Thị Huệ

Phó Chủ tịch UBND xã - Phó ban

Trần Đình Hoàn

Chủ tịch UB MTTQ xã - Ủy viên

Trần Đình Cầu

Chủ tịch Hội Cựu chiến binh - Ủy viên

Trần Thị Hùng

Chủ tịch Hội Nông dân - Ủy viên

Hoàng Văn Phần

Chỉ huy trưởng BCH Quân sự xã - Ủy viên

Hà Văn Tường

Trưởng Công an - Ủy viên

Hoàng Thị Huyền

Phó Bí thư Chi bộ Trường Tiểu học - Ủy viên

Bế Thị Chi

Văn Phòng Đảng ủy - Ủy viên

Triệu Hữu Vương

Bí thư Đoàn Thanh niên - Ủy viên

Mông Thị Hằng

Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ - Ủy viên

Hoàng Ngọc Hòa

Nguyên Bí thư Đảng ủy xã - Ủy viên

Đinh Văn Lưu

Nguyên Chủ tịch UBND xã - Ủy viên

Lương Xuân Sắn

Nguyên Chủ tịch UBND xã - Ủy viên

Hoàng Văn Lộc

Nguyên Chủ tịch UB MTTQ xã - Ủy viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

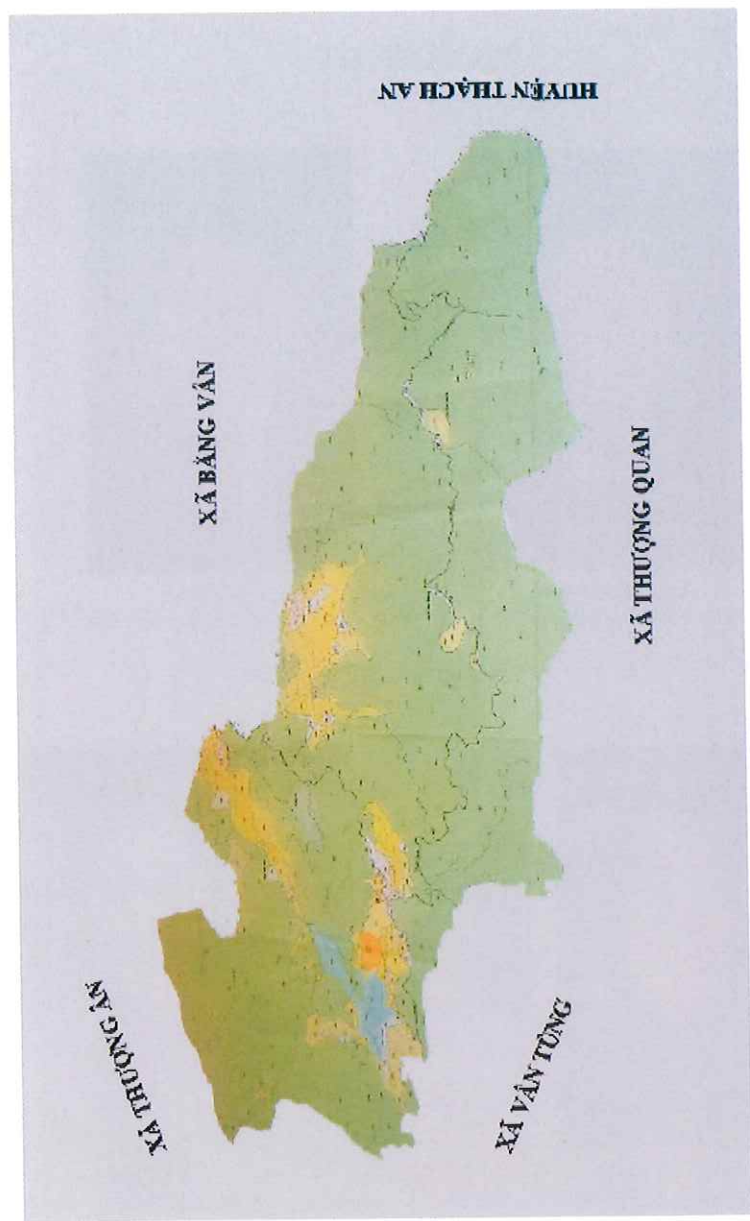
Thạc sĩ Lịch sử: Nguyễn Thanh Hải

Thạc sĩ Lịch sử: Đoàn Văn Trường

Cử nhân Lịch sử: Nguyễn Thị Huyền

Cử nhân Lịch sử: Nguyễn Thị Bình

Cố vấn khoa học: PGS.TS Phạm Xuân Mỹ



Bản đồ xã Đức Vân

BAN CHỈ ĐẠO



Đinh Xuân Dīm
Bí thư, Chủ tịch HĐND



Lô Văn Đoán
Phó Bí Thư Thường trực ĐU



Lương Văn Luận
PBT, Chủ tịch UBND



Lý Thị Thuý
Phó Chủ tịch HĐND



Bế Thị Chi
Công chức Văn phòng ĐU





LỜI GIỚI THIỆU

Xã Đức Vân nằm ở phía bắc huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Là mảnh đất có bề dày lịch sử, văn hóa từ lâu đời. Nhân dân có truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, kiên cường, anh dũng trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Dưới ánh sáng soi đường của Đảng, nhân dân Đức Vân cùng cả nước đứng lên đấu tranh giành chính quyền, góp phần vào thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trên phạm vi cả nước, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đầu năm 1950, xã Đức Vân cùng xã Bằng Đức hợp thành xã Bằng Vân, cũng trong năm này Chi bộ Đảng Bằng Vân được thành lập. Chi bộ Đảng thành lập đã lãnh đạo quân và dân xã chiến đấu dũng cảm, góp phần xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đi đến thắng lợi. Tháng 12-1953, xã Bằng Vân được tách thành 2 xã: xã Chí Kiên và xã Công Bằng; đồng thời Chi bộ ghép Bằng Vân đổi tên thành Chi bộ ghép Chí Kiên. Năm 1961, Chi bộ xã Đức Vân được thành lập trên cơ sở tách từ Chi bộ ghép Chí Kiên. Dưới sự lãnh

đạo của Chi bộ Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân Đức Vân đã có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của toàn dân tộc, đặc biệt với phong trào cách mạng của huyện Ngân Sơn.

Tháng 11/2001, Chi bộ Đảng Đức Vân được chuẩn y lên Đảng bộ, thành lập Đảng ủy lâm thời. Tháng 12/2002, Đại hội lần thứ nhất, chính thức lên Đảng bộ nhiệm kỳ 2003-2005. Sự kiện đã khẳng định một bước chuyển mới trong quá trình tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng trong thời kỳ đổi mới. Từ đây, Đảng bộ xã Đức Vân tiếp tục lãnh đạo nhân dân tích cực phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động, ý chí vươn lên để vượt qua mọi thử thách, góp phần xây dựng quê hương Đức Vân ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Để ghi lại những kết quả đạt được trong chiến đấu cũng như trong lao động sản xuất của nhân dân Đức Vân; đồng thời góp phần giáo dục tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng của quê hương cho thế hệ trẻ, thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 28-02-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) Về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Ngân Sơn về đẩy mạnh công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đức Vân, nhiệm kỳ 2015-2020 đã ban hành Nghị quyết về việc sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ xã Đức Vân (1950-2015)".

Cuốn sách được ra mắt bạn đọc là sự cố gắng, nỗ lực lớn của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, các đồng chí trong Ban Suu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu biên soạn, cũng như sự tham gia nhiệt tình cung cấp thông tin, tư liệu của các đồng chí cán bộ, đảng viên là nhân chứng hoạt động qua các thời kỳ và toàn thể nhân dân. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đức Vân xin ghi nhận những đóng góp của các đồng chí. Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, chúng tôi trân trọng cảm ơn sự quan tâm, chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Ngân Sơn, Ban Suu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu biên soạn, cán bộ, đảng viên và nhân dân đã giúp chúng tôi hoàn thành công trình khoa học “Lịch sử Đảng bộ xã Đức Vân (1950-2015)”.

Trong quá trình tổ chức biên soạn, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do nguồn tư liệu thành văn bị thất lạc, các nhân chứng lịch sử không còn nhiều nên cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Do vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đức Vân rất mong nhận được ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân, cùng bạn đọc gần xa để khi có dịp tái bản, cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

**T/M. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ
BÍ THƯ**

Đinh Xuân Dìm

Chương I

VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI XÃ ĐỨC VÂN

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT

Vùng đất Đức Vân ngày nay đã có lịch sử lâu đời. Theo sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, thời Hùng Vương, địa bàn Đức Vân nói riêng huyện Ngân Sơn nói chung thuộc bộ Vũ Định, một trong 15 bộ của Nhà nước Văn Lang. Thời Lý (1009-1225), bộ máy hành chính nước ta được thiết lập từ Trung ương đến địa phương, cả nước được chia thành các đơn vị: lộ, phủ, châu, địa phận xã Đức Vân lúc này thuộc châu Thượng Nguyên. Sang đến thời Trần (1225-1400), vùng đất Ngân Sơn (bao gồm cả Đức Vân) đều thuộc châu Cẩm Hóa, trấn Thái Nguyên. Vào năm Quang Thuận thứ 7 (1466), vua Lê Thánh Tông cho chia cả nước thành 1 phủ và 12 đạo thừa tuyên, địa bàn xã Đức Vân ngày nay thuộc châu Ngân Sơn, thừa tuyên Thái Nguyên.

Theo sách *Địa danh làng xã Việt Nam thế kỷ XIX* do Viện Nghiên cứu Hán Nôm dịch và biên tập từ cuốn “*Các trấn, tổng xã Danh bị lãm*” soạn dưới triều vua Gia Long (1804-1820), vùng đất Đức Vân lúc này thuộc tổng

Thượng Quan¹, huyện Cẩm Hóa, phủ Thông Hóa, xứ Thái Nguyên².

Sau khi thực dân Pháp hoàn thành quá trình xâm lược Việt Nam, chúng đẩy mạnh hoạt động khai thác thuộc địa, để tăng cường việc quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho chính quyền thực dân cai trị và bóc lột, thực dân Pháp ở Đông Dương đã tiến hành chia tách, điều chỉnh lại địa giới hành chính. Ngày 11-4-1900, Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định lấy phần đất thuộc phủ Thông Hóa thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm các châu Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (sau đổi thành Na Rì), Cẩm Hóa (sau đổi thành Ngân Sơn). Địa bàn Đức Vân lúc này thuộc xã Bằng Đức (tổng Bằng Đức) và Vân Tùng (tổng Thượng Quan) của châu Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn³. Đến những năm 30 của thế kỷ XX, xã Đức Vân chính thức được thành lập trên cơ sở tách các thôn Bản Chang, Bản Đăm từ xã Vân Tùng và các thôn Quan Làng, Bản Tặc (nay gọi là Bản Tặc), Bản Duồi, Phiêng Nhường (nay gọi là Phiêng Dượng), Nura Phia từ xã Bằng Đức.

Đến năm 1950, hai xã Đức Vân và Bằng Đức hợp lại thành xã Bằng Vân. Sau khi giành thắng lợi trong cuộc

1. Theo sách *Đồng Khánh Địa dư chí* biên soạn dưới triều vua Đồng Khánh (1887-1890), tổng Thượng Quan thuộc huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

2. Năm 1831, vua Minh Mạng thực hiện cải cách hành chính chia cả nước thành 31 tỉnh, thành. Theo đó, xứ Thái Nguyên đổi thành tỉnh Thái Nguyên.

3. Xã Bằng Đức gồm các bản: Đông Chót, Cốc Lái, Quan Làng, Phia Mu, Cốc Lùng, Bản Tặc, Bản Ruồi, Khau Sịa, Khau Phòong, Tàng Riệu, Phiêng Nhường, Giăng Ca, Phiêng Kết, Nà Cài, Khuổi Rù, Khuổi Dạ, Khuổi Vặc. Theo sách *"Địa danh và Tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc Kỳ"*, tr.67.

kháng chiến chống thực dân xâm lược (1946-1954), nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, các xã được tổ chức lại với quy mô nhỏ. Theo quyết định của tỉnh và chỉ đạo của Huyện ủy Ngân Sơn, tháng 12-1953, xã Bằng Vân được tách thành hai xã Chí Kiên và Công Bằng¹.

Ngày 12-5-1964, thực hiện Quyết định số 150-NV của Bộ Nội vụ “Về việc sửa đổi tên một số xã của tỉnh Bắc Kạn”, xã Chí Kiên lấy lại tên là xã Đức Vân. Đến năm 1992, thực hiện chủ trương định canh định cư, đồng bào người Dao Đỏ từ xã Quang Trọng (huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng) đã xuống định cư tại xã Đức Vân và lập thêm bản Nặm Làng. Từ đó đến năm 2015, xã Đức Vân có 8 thôn gồm: Bản Chang, Bản Đăm, Quan Làng, Bản Tặc, Bản Duối, Phiêng Dượng, Nura Phia, Nặm Làng.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Đức Vân là xã miền núi nằm về phía đông bắc huyện Ngân Sơn, cách trung tâm huyện lỵ 6km theo Quốc lộ 3. Xã có vị trí địa lý: phía đông tiếp giáp với xã Quang Trọng (huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng); phía đông - đông nam giáp xã Thượng Quan; phía nam - tây nam giáp xã Vân Tùng; phía tây giáp xã Thượng Ân; phía bắc - đông bắc giáp với xã Bằng Vân.

Đức Vân là xã vùng cao, vì vậy, hơn 90% diện tích tự nhiên của xã là đồi núi với độ dốc bình quân từ 25-30°. Xã

1. Các tài liệu Nghị quyết, Chỉ thị, Báo cáo lưu tại huyện Ngân Sơn giai đoạn từ năm 1950-1954 đều chỉ nhắc đến tên xã Bằng Vân; từ 1944-1964 đều nêu tên xã Chí Kiên, Công Bằng. Vì vậy, có thể khẳng định địa bàn xã Đức Vân ngày nay tương ứng với tên gọi của thời kỳ đó.

có nhiều dãy núi khá cao như dãy Khau Sliên ở Bản Đăm cao 1.040m, đỉnh Khau Sliêm ở Bản Duồi cao 1.400m. Cùng với đó là các dãy núi chạy dọc theo các đường giáp ranh, tạo thành đường ngăn cách tự nhiên giữa Đức Vân với các xã lân cận như đỉnh Khuổi Cẩm tạo thành đường ranh giới ngăn giữa xã Đức Vân với Bằng Vân và xã Quang Trọng (Cao Bằng), đỉnh Trúng Kén¹ ranh giới tự nhiên phân cách với xã Vân Tùng.

Xã có địa hình đồi núi tương đối đa dạng, phức tạp bị chia cắt bởi các thung lũng, khe rạch, được phân thành hai dạng chính như sau:

Địa hình đồi núi dốc và cao theo hướng tây bắc - đông nam. Dạng địa hình này chủ yếu là các dải núi với độ dốc lớn, bị chia cắt mạnh, đất chủ yếu là Feralit màu vàng nhạt trên núi trung bình, tầng đất mỏng. Vì vậy, không thuận lợi cho việc canh tác cây lương thực, thay vào đó, người dân tập trung phát triển thành vùng trồng rừng sản xuất.

Địa hình đồi thấp và thung lũng: Được phân bố dọc hai bên Quốc lộ 3, dạng địa hình này có đặc điểm độ dốc thấp, đất ở đây chủ yếu là Feralit màu vàng đỏ, có thành phần cơ giới nhẹ, thích hợp với trồng cây lương thực và các cây công nghiệp (dài ngày, ngắn ngày).

Là một xã vùng cao, địa hình phức tạp nên giao thông đi lại còn gặp nhiều khó khăn. Được sự đầu tư của Nhà nước và đóng góp của nhân dân, chính quyền xã Đức Vân đã tiến hành cải tạo tuyến đường liên xã từ Bản Tặc, Bản

1. Tương truyền, đây là nơi ông Trúng Kén phát hiện ra mỏ quặng.

Duôi đến xã Bằng Vân, đảm bảo cho xe cơ giới loại nhỏ đi lại thuận tiện, tuy nhiên, nhiều tuyến đường liên thôn, trục chính thôn, nội thôn, trục chính nội đồng chưa được kiên cố hóa. Đây chính là trở ngại lớn của Đức Vân trong quá trình giao lưu, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội giữa các cụm dân cư và với các xã lân cận.

Khí hậu của Đức Vân mang nét đặc trưng của vùng nhiệt đới gió mùa, với 4 mùa rõ rệt. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 27°C , sự chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa các tháng trong năm tương đối lớn, trong đó: Tháng 7 nhiệt độ trung bình khoảng $26,1^{\circ}\text{C}$; tháng 1 nhiệt độ trung bình khoảng $11,9^{\circ}\text{C}$, có những ngày nhiệt độ giảm xuống dưới 5°C , xuất hiện băng giá, sương muối gây ảnh hưởng lớn đến đời sống và sản xuất của nhân dân. Độ ẩm thường xuyên khá cao từ 83-86%, lượng mưa trung bình năm là 1.248,2mm nhưng phân bố không đều giữa các tháng (tập trung chủ yếu từ tháng 5-8 hằng năm; các tháng mùa khô lượng mưa không đáng kể), lượng mưa không lớn, tuy nhiên lại tập trung vào thời gian ngắn, trên địa bàn độ dốc cao nên thường xuyên xảy ra tình trạng lũ quét, sạt lở đất.

Những năm gần đây, do hệ quả của biến đổi khí hậu, các hiện tượng thiên tai như: lốc xoáy, mưa đá, rét đậm, rét hại v.v. xuất hiện ngày càng nhiều gây thiệt hại không nhỏ về vật chất, ảnh hưởng đến tinh thần của người dân trên địa bàn xã.

Mạng lưới thủy nông trên địa bàn xã, trong đó có 3 suối chính là: suối Quan Làng, suối Tá Lắc (Bản Tặc),

suối Bản Duối, cả ba suối này đều đổ về sông Bằng (tỉnh Cao Bằng). Trên địa bàn xã có hồ nhân tạo Bản Chang với diện tích mặt nước khoảng 41ha, góp phần đảm bảo nước tưới cho sản xuất nông nghiệp tại xã. Ngoài nguồn nước mặt, xã Đức Vân còn nguồn nước ngầm khá phong phú (độ sâu từ 20-30m), chất lượng nước cơ bản đảm bảo. Tuy nhiên, do địa hình dốc, các sông, suối có lưu vực nhỏ, vì vậy lưu lượng nước không ổn định, đặc biệt vào mùa khô, tình trạng thiếu nước sinh hoạt, sản xuất còn diễn ra khá phổ biến. Đặc biệt đóng vai trò quan trọng trong mạng lưới thủy nông của xã Đức Vân có hồ Bản Chang được xây dựng từ năm 1981, sau khi đưa vào sử dụng, hồ đã góp phần không nhỏ vào cải tạo hệ sinh thái quanh vùng, đảm bảo cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. Năm 1999, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Ngân Sơn chỉ đạo khôi phục và cải tạo hồ, bên cạnh vai trò điều hòa nguồn nước phục vụ sản xuất.

Hiện nay, toàn xã có diện tích tự nhiên 28,64km². Trong đó, diện tích đất lâm nghiệp (chiếm 74,13% tổng diện tích đất tự nhiên, phần lớn diện tích đất rừng đã được giao cho các tổ chức, hộ gia đình quản lý, dưới sự hỗ trợ, quản lý chung của kiểm lâm huyện, tiềm năng lâm nghiệp đã và đang được khai thác, tận dụng tốt, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài ra, khu vực giáp xã Thượng Quan, Đức Vân có mỏ vàng Pác Lạng¹, diện tích khoảng 370ha. Bên cạnh mỏ vàng, xã

1. Thời Pháp thuộc chúng đã tổ chức các hoạt động khai thác vàng tại đây, khi đó thực dân Pháp gọi là mỏ vàng Ma Nu.

Đức Vân còn có hệ thống dãy núi đá vôi trùng điệp, trữ lượng tương đối lớn.

III. DÂN CƯ, TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ - VĂN HÓA

Tính đến năm 2016, toàn xã có 373 hộ với 1.575 nhân khẩu, gồm 5 thành phần dân tộc là: Nùng, Tày, Kinh, Dao, Mường, tập trung theo từng thôn, bản. Trong đó, đồng bào người Tày phân bố chủ yếu ở Bản Tặc, Bản Chang, Bản Duối; người Nùng sống tập trung tại Nưa Phia, Quan Làng, Bản Đăm; người Dao sống chủ yếu ở bản Phiêng Dượng, Nặm Làng; người Kinh và Mường sống xen kẽ trong các thôn. Quy mô dân số giữa các thôn không đồng đều, thôn Bản Chang tập trung đông nhất với 224 nhân khẩu; thôn Nặm Làng có số dân ít nhất, chưa đến 100 nhân khẩu.

Đồng bào người Tày, Nùng có lịch sử cư trú lâu đời, quá trình sinh sống đã tạo nên sự tương đồng về ngôn ngữ và văn hóa. Theo truyền thống người Tày, Nùng thường ở nhà sàn, nhà có kết cấu hai mái hoặc bốn mái, lợp bằng rạ hoặc gianh, khung ngôi nhà được xây lên bằng 4-7 hàng cột đỡ, tạo thành hai khu rõ rệt: Phía trên làm nơi sinh hoạt, tiếp khách; phía dưới làm nơi cất giữ nông cụ, chăn nuôi. Đồng bào người Dao cư trú chủ yếu trên các sườn đồi, núi nên họ thường làm nhà trên nền đất, mái có độ dốc thấp, hai chái, hàng cột thấp để tránh gió, sương mù. Hiện nay, bên cạnh những ngôi nhà xây theo kiểu truyền thống, phần lớn các hộ gia đình xây nhà kiên cố theo kiến trúc hiện đại, thuận tiện cho sinh hoạt và lao động sản xuất.

Trang phục phản ánh nét văn hóa đặc trưng của mỗi tộc người. Đối với người Tày, Nùng, trang phục truyền thống của họ được làm từ sợi vải bông tự dệt, nhuộm chàm đồng nhất ở cả nam và nữ, hầu như không có hoa văn trang trí. Xưa kia nam giới người Tày thường mặc quần rộng, cạp lá tọa, áo ngắn, cổ đứng, còn đối với nữ giới, trang phục và những phụ kiện kèm theo gồm có: khăn đội đầu, áo cánh dài ngũ thân, quần váy, đi giày vải. Bên cạnh đó, để tăng thêm sự mềm mại, duyên dáng, phụ nữ Tày còn thắt lưng bằng những tấm vải chàm hoặc vải dũi dài khoảng 2 sải tay. Nếu trang phục của người Tày, Nùng có xu hướng đơn giản hóa thì trang phục người Dao lại đề cao sự cầu kỳ, tỉ mỉ. Một bộ trang phục hoàn chỉnh phải đảm bảo đủ: áo, yếm, xà cạp, dây lưng, khăn vấn đầu, váy dài, đi kèm là đồ trang sức (hoa tai, vòng cổ, vòng tay v.v.) được làm bằng bạc trắng. Theo quan niệm dân gian, người đeo trang sức bằng bạc thì sẽ trừ tà ma, tránh gió và được thần linh phù hộ.

Về ẩm thực, cách thức chế biến thức ăn và khẩu vị của từng dân tộc có hương vị riêng biệt, thể hiện sự sáng tạo và tiếp biến giao lưu văn hóa. Ngoài những món ăn quen thuộc, trong các dịp đặc biệt, lễ, tết, đồng bào thường làm các loại xôi nhiều màu, bánh chưng (bánh gù, bánh vuông), bỏng ép (khẩu sli), thịt lợn quay, vịt quay v.v. Tất cả các thành viên trong nhà ăn chung một mâm, khách đến nhà được gia chủ ưu ái, nể trọng.

Việc kết hôn của đồng bào Tày diễn ra khá đơn giản, sau khi trai gái tìm hiểu và quyết định chuyện trăm năm,

bước đầu tiên, nhà trai sẽ xem tuổi của người con gái (Sam mình), nếu thấy hai bên phù hợp, nhà trai sẽ đến nhà gái hỏi vợ (Páo mình), sau khi hai bên gia đình bàn bạc, thống nhất sẽ tiến hành làm lễ ăn hỏi (Kim Tháp). Theo tục lệ của người Tày, Nùng, trước khi tổ chức lễ cưới, nhà trai phải mang đầy đủ sính lễ đến nhà gái. Lễ cưới được diễn ra trong 2 ngày, nhà gái thường tổ chức trước nhà trai 1 ngày. Ngày nay, những quan niệm về hôn nhân đã tiến bộ hơn, những hủ tục khắt khe, những quan niệm lạc hậu đã dần bị xóa bỏ nhưng nét văn hóa đặc trưng vẫn được gìn giữ, bảo tồn.

Trong nghi lễ vòng đời của đồng bào người Dao, lễ Lập tịnh (còn gọi là lễ Cấp sắc) được coi là một trong những lễ lớn nhất, quan trọng nhất trong cuộc đời người đàn ông. Nam giới người Dao, ai cũng có 2 tên, tên thường gọi và tên được đặt trong lễ Lập tịnh chỉ dùng trong dịp cúng lễ, trình báo tổ tiên (còn gọi là bí danh hoặc “tên âm”). Theo quan niệm, người đàn ông không làm lễ Lập tịnh, không có tên cúng cơm, cũng đồng nghĩa với việc anh ta là người kém cỏi, chưa đủ tư cách làm người trưởng thành, không có vai trò, vị trí trong dòng họ, trong cộng đồng, khi chết sẽ không về được với tổ tiên. Lễ Lập tịnh được tiến hành qua các bước: Bước 1: chọn ngày lành, tháng tốt; bước 2: chuẩn bị hũ thịt chua, 3 chum rượu hoẵng, gạo đủ ăn trong lễ, 2 con lợn và 1 con gà trống; bước 3: mời 2 thầy cúng, một thầy là anh hoặc em ruột của mẹ đẻ, một thầy là anh rể, em rể của bố đẻ.

Trong các hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng, đồng bào hướng niềm tin con người tới thần bản mệnh: trời đất, tổ tiên, các vị thần (thần đất, thần suối, thần lửa v.v. Hệ thống thờ cúng của người Tày ở xã Đức Vân bao gồm: thờ cúng trong nhà, thờ tổ tiên, thờ dà cháo (thần bếp - táo quân); thờ cúng ngoài nhà, thờ thổ công. Ý thức về gia đình, dòng họ được củng cố thông qua việc thờ cúng tổ tiên, tổ chức lễ Thanh minh (lễ tảo mộ). Bàn thờ tổ tiên thường được đặt ở vị trí trang nghiêm nhất. Giống như người Tày, đồng bào người Dao cũng tổ chức lễ tảo mộ vào dịp đầu tháng 3 nhưng chủ yếu làm lễ cúng ở trong nhà. Ngoài ra, Shaman giáo¹ rất phát triển trong đời sống tín ngưỡng của người Tày (tào, mo, pút, then), Shaman giáo đóng vai trò quan trọng trong những nghi lễ của người Tày như: nghi lễ vòng đời, lễ tết... Hiện nay, những tín ngưỡng này vẫn còn phổ biến trong đời sống của nhân dân, nhưng đã từng bước loại bỏ những yếu tố mê tín dị đoan và duy trì phát huy những yếu tố văn hóa tốt đẹp.

Lễ hội truyền thống là thời điểm con người thực hiện những thành tố văn hóa, cũng là lúc họ gửi gắm ước mong đến thần linh về một vụ mùa bội thu; đóng vai trò tương trợ và cổ kết cộng đồng sâu sắc. Lễ hội Xuân được tổ chức vào ngày 12 tháng Giêng hằng năm. Hiện nay, nhiều hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động của lễ hội được tổ chức đơn giản,

1. Shaman giáo là một hình thức tôn giáo dùng phù phép, ảo thuật đưa con người vào trạng thái hôn mê để giao tiếp với thần linh, qua đó nhờ thần linh giúp đỡ những điều mình mong muốn.

tiết kiệm song không vì thế mà mất đi những giá trị tinh thần nhân văn, sâu sắc.

Trên địa bàn xã Đức Vân, mỗi dân tộc đều có ngôn ngữ riêng. Tuy nhiên, do người Tày chiếm số lượng đông nhất nên ngôn ngữ Tày gần như trở thành ngôn ngữ chính. Do có hệ ngôn ngữ riêng nên văn nghệ dân gian của người Tày rất phong phú về thể loại và đặc sắc về nội dung. Về dân ca, người Tày có Lượn, Cỏ Lầu, Sli, Văn Than, Quan Làng... và đặc biệt là Then. Số lượng câu Then lên tới hàng nghìn, có những cuộc làm Then thâu đêm suốt sáng mà người nghệ nhân không hát lặp lại câu nào. Ngôn ngữ của người Dao trước đây khá phổ biến, họ có cả tiếng nói và chữ viết riêng, tuy nhiên ngày nay chữ Nôm Dao hiện chỉ còn phổ biến ở những người hành nghề tín ngưỡng như thầy cúng.

Trong sinh hoạt ca nhạc dân gian, người Tày sử dụng nhiều nhạc cụ: kèn, trống, thanh la, lục lạc, đàn tính, trong đó, cây đàn tính được coi là biểu tượng cho sự độc đáo trong âm nhạc dân gian dân tộc Tày. Nhạc cụ dân tộc của người Dao chủ yếu được sử dụng trong các nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng, gồm có trống, thanh la, chũm chọe, chuông nhạc và tù và. Ngoài ra, người Dao còn có các loại nhạc cụ khác như nhị, sáo, đàn môi...

Trải qua quá trình sinh sống, phát triển không ngừng của xã hội, bên cạnh sự tiếp thu và hình thành những nét chung trong sinh hoạt văn hóa của cộng đồng dân cư, thì vốn văn hóa đặc trưng của các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mường, ở các mức độ khác nhau, khía cạnh nào đó có

chiều hướng bị mai một, lãng quên. Bởi vậy, việc chọn lọc, phát huy và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống đã và đang là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ, chính quyền xã Đức Vân nhằm xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Chương II

ĐỨC VÂN THAM GIA ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930-1954)

I. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG GIAI ĐOẠN 1930-1945

1. Tình hình kinh tế, chính trị - xã hội thời Pháp thuộc

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công xâm lược Việt Nam. Dưới chế độ thực dân, phong kiến, người dân phải chịu ách áp bức cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Về chính trị, thực dân Pháp trực tiếp nắm đến chính quyền cấp tỉnh. Ở các cấp phủ, châu, xã, chúng duy trì bộ máy cai trị phong kiến tay sai. Tại châu Ngân Sơn, đứng đầu là tri châu, dưới quyền tri châu có lục sự, thừa phái. Đứng đầu cấp tổng là chánh tổng, phó chánh tổng. Ở cấp xã có: lý trưởng, phó lý, thủ bạ. Với danh nghĩa quản lý việc chung, chúng ra sức ức hiếp, bòn rút nhân dân¹. Cùng với bộ máy cai trị, thực dân Pháp còn thiết lập bộ máy đàn áp với lực lượng quân sự lớn được bố trí khắp nơi. Ở châu có châu đoàn, tổng có tổng đoàn, phó

1. Chánh tổng, lý trưởng không có lương, chỉ ăn theo thuế và các phần phụ thu nên buộc họ phải tìm mọi cách đục khoét của cải từ nhân dân.

tổng đoàn và các xã có xã đoàn và lính đồng¹.

Về kinh tế, thực dân Pháp mở rộng quy mô chiếm đoạt và khai thác với các thủ đoạn ngày càng trắng trợn. Nhân dân Đức Vân phải chịu nhiều loại sưu cao, thuế nặng. Trong các sắc thuế, nặng nhất là thuế đinh - đánh theo đầu người. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1896-1914), thực dân Pháp bỏ thuế đinh theo sở hữu tài sản với 3 loại: thẻ xanh, thẻ đỏ, thẻ vàng và mức thuế cũng khác nhau. Nhưng từ sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929), mỗi suất đinh ở Bắc Kỳ đều phải nộp 2,7 đồng. Sổ đinh được lập từ đầu năm, do vậy nếu đinh nam chết trước kì thuế của năm thì gia đình phải nộp thay. Bên cạnh thuế thân là thuế ruộng, thuế nhà ở, thuế trâu, bò... Mỗi kì thu thuế là một lần tai họa giáng xuống người dân. Nhiều người vì không có tiền nộp thuế bị bắt đi tù, bị đánh đập tàn nhẫn, nhiều người không có tiền nộp thuế phải đi ở không công cho chủ nợ. Làng bản vốn đã xơ xác, kiệt quệ vì chính sách cai trị của thực dân Pháp, địa chủ phong kiến và các tầng lớp trên lại cộng thêm dịch bệnh, mất mùa... càng làm cho đời sống nhân dân thêm đói khổ.

Địa bàn xã nằm sát đường số 3, thuận lợi cho giao lưu buôn bán song thương nghiệp địa phương vẫn bị kìm hãm nặng nề do trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), thực dân Pháp tăng thuế môn bài đánh vào những tiểu thương lên 4 lần. Những mặt hàng thiết yếu như muối², rượu cồn bị chính quyền thực dân độc quyền.

1. Là một công cụ mà thực dân Pháp dùng để đàn áp phong trào cách mạng, bảo vệ trật tự trị an cho chính quyền thực dân, phong kiến ở địa phương.

2. Chúng hạn chế việc lưu thông muối từ miền xuôi lên miền núi, nhất là

Theo quy định của chính quyền thực dân, hằng năm mỗi người dân nam phải đi phu hai lần, mỗi lần từ 10-12 ngày làm đường, đào hào... Dân phu phải làm việc nặng nhọc, nhận số tiền công rẻ mạt lại thường xuyên bị bọn cai phu đánh đập tàn nhẫn.

Về văn hóa - xã hội, thực dân Pháp thi hành chính sách ngu dân, nhằm kìm hãm nhân dân lao động trong vòng dốt nát để dễ bề cai trị và bóc lột. Toàn huyện lúc này chỉ có 3 trường tiểu học bán cấp ở Nà Phặc, Hoàng Phài và Ngân Sơn¹. Số học sinh tới trường phần lớn là con em hàng ngũ quan lại ở địa phương, một số con nhà giàu. Tuyệt đại đa số con em nhân dân lao động nghèo khổ không có điều kiện cấp sách tới trường. Chính sách ngu dân của thực dân Pháp đã dẫn đến hậu quả là 97% nhân dân mù chữ, trình độ hiểu biết của nhân dân rất thấp.

Chế độ thực dân, phong kiến ít quan tâm đến việc phòng bệnh chữa bệnh cho nhân dân. Toàn châu Ngân Sơn lúc đó chỉ có 1 nhà thương với 1 y tá, 1 nữ hộ sinh và 1 thầy ký đặt tại châu lỵ, chủ yếu phục vụ quan chức, binh lính Pháp và tay sai. Dịch bệnh sốt rét, đậu mùa... trở thành mối đe dọa thường xuyên đối với địa phương. Người dân Đức Vân khi ốm đau chỉ biết mời thầy cúng, chữa chạy theo kinh nghiệm dân gian hoặc phó mặc số phận.

nơi có Việt Minh hoạt động để đe dọa nhân dân, bóp nghẹt phong trào cách mạng.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử đấu tranh cách mạng Ngân Sơn (1939-1954)*, tr.13.

Cùng với đó, thực dân Pháp khuyến khích duy trì những phong tục, tập quán lạc hậu như tảo hôn, hiếp hỷ linh đình... dung túng các tệ nạn cờ bạc, rượu chè, thuốc phiện với mục đích làm suy kiệt nòi giống, suy giảm ý chí đấu tranh của nhân dân ta. Chúng cấm và phạt rất nặng những người nấu rượu và buôn thuốc phiện nhưng lại tổ chức bán công khai rượu¹, thuốc phiện².

Dưới ách bóc lột của chế độ thực dân, phong kiến, đồng bào các dân tộc Đức Vân phải sống cực khổ, mâu thuẫn giữa nhân dân với thực dân Pháp và tay sai ngày càng sâu sắc. Đó là nguyên nhân cơ bản thúc đẩy đồng bào đứng lên đoàn kết dưới ngọn cờ giải phóng dân tộc, cùng nhân dân cả nước đấu tranh đánh đổ thực dân và phong kiến tay sai, giành lại độc lập dân tộc và xây dựng chế độ xã hội mới.

2. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Đức Vân tham gia đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập mở ra bước ngoặt lớn cho cách mạng nước ta. Ngay từ khi thành lập, vai trò lãnh đạo của Đảng được phát huy và thể hiện qua các cao trào cách mạng 1930-1931 và 1936-1939. Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

1. Những gia đình nấu rượu lậu bị Pháp bắt con gái, mẹ trẻ đang cho con bú, buộc phải bán trâu, bán ruộng cho giới chức dịch với giá rẻ mạt để cứu vợ, cứu con.

2. Thời điểm ngày 9-3-1945, khi Nhật đảo chính Pháp, có ty rượu đặt tại đầu cầu Nà Phặc .

Thực dân Pháp thi hành chính sách đàn áp, khủng bố tàn bạo, phong trào vận động dân chủ tạm rút vào hoạt động bí mật để bảo toàn lực lượng. Tháng 11-1939, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu và chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương nhằm tập hợp mọi lực lượng dân tộc chống đế quốc. Tháng 5-1941, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì, nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ “bức thiết nhất”; quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng Minh (gọi tắt là Việt minh) nhằm tập hợp, đoàn kết toàn dân tộc, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo tín ngưỡng; đề ra chủ trương chuẩn bị lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, coi chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân.

Sau khi khởi nghĩa Bắc Sơn bị thực dân Pháp khủng bố và đàn áp dã man, Đội Cứu quốc quân đã quyết định rút phần lớn lực lượng lên biên giới Việt Trung. Ngày 27-7-1941, một tiểu đội Cứu quốc quân do đồng chí Phùng Chí Kiên và đồng chí Lương Văn Tri chỉ huy rút về phía Ngân Sơn để lên Cao Bằng, qua Pò Kép, xã Văn Học, Na Rì thì bị địch phục kích, hai đồng chí chỉ huy đều bị thương, cả tiểu đội tiếp tục rút quân về hướng Cao Bằng. Tên Ga-ric, quyền công sứ Pháp ở Bắc Kạn lệnh cho tri châu Ngân Sơn phải tung lực lượng vây bắt và tiêu diệt bằng được quân ta ở Ngân Sơn. Ngày 22-8-1941, tại Khau Pàn, xã Đức Vân, châu Ngân Sơn, tiểu đội Cứu quốc quân rơi vào

vùng phục kích của địch, đồng chí Phùng Chí Kiên, chỉ huy trưởng Cứu quốc quân hy sinh, địch chặt đầu ông rồi treo ở cầu Ngân Sơn hùng uy hiếp tinh thần cán bộ, nhân dân địa phương; đồng chí Lương Văn Tri bị địch bắt và sau đó hy sinh ở nhà tù Cao Bằng của thực dân Pháp.

Đầu năm 1942, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh chủ trương “Nam tiến” mở rộng căn cứ địa cách mạng ra cả vùng Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn. Tháng 9-1942, tại xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, Ban Xung phong Nam tiến mà hạt nhân là Chi bộ Nam tiến được thành lập. Chi bộ Nam tiến do đồng chí Nông Văn Quang giữ chức Bí thư có nhiệm vụ lãnh đạo, tổ chức phong trào Nam tiến từ Nguyên Bình (Cao Bằng) xuống Bắc Kạn.

Mùa hè năm 1943 các đội xung phong Nam tiến từ châu Nguyên Bình, Hòa An, Cao Bằng tiến xuống châu Ngân Sơn, Bắc Kạn và chia hai mũi tiến về xuôi. Một mũi gồm các đồng chí Hoàng Thịnh, Dương Văn Long, Nông Công Tú từ xã Thượng Ân qua các xã Cốc Đán, Bằng Đức, Đức Vân, Vân Tùng, Thượng Quan, Thuần Mang... xuống Bạch Thông. Đi đến đâu các đội xung phong Nam tiến đều tích cực tuyên truyền vận động quần chúng gia nhập các đoàn thể Cứu quốc. Tháng 9-1943, tại Đức Vân đã thành lập các Ban Chấp hành Việt Minh xã, đào tạo huấn luyện cán bộ, xây dựng lực lượng tự vệ... Sự hoạt động của các cán bộ, đội viên Nam tiến đã được đông đảo nhân dân các địa phương tạo mọi điều kiện giúp đỡ bảo vệ. Tại Ngân Sơn nói chung và xã Đức Vân nói riêng, khi

có các đội xung phong Nam tiến đến, nhiều đồng bào yêu nước tham gia vào Hội Cứu quốc và Mặt trận Việt Minh xã. Sau khi tham gia, các hội viên trong Hội đều tự nguyện sắm sửa vũ khí như dao, mã tấu, súng kíp... tổ chức thành các đội tự vệ làm nhiệm vụ luyện tập quân sự, bảo vệ cơ sở cách mạng, cán bộ, nhân dân và trừng trị bọn tay sai phản động. Dưới sự chỉ đạo, tổ chức của cán bộ Nam tiến và sự giác ngộ hưởng ứng của nhân dân, nhiều cuộc mít tinh nhằm biểu dương lực lượng đã lần lượt được tổ chức tại Đức Vân và các xã lân cận. Trước sự phát triển không ngừng của phong trào cách mạng, để giữ bí mật cho các cơ sở cách mạng hoạt động, một số xã đã được đổi tên: xã Thượng Ân đổi thành xã Canh Tân; xã Cốc Đán đổi thành xã Minh Khai; xã Tô Khê đổi thành xã Gia Tự và xã Đức Vân đổi thành xã Hưng Đạo.

Tháng 9-1943, Chi bộ Nam tiến tuyên bố thành lập Chi bộ Chí Kiên. Đây là tổ chức Đảng đầu tiên của huyện Ngân Sơn và tỉnh Bắc Kạn. Sự kiện Chi bộ Chí Kiên thành lập là bước ngoặt quan trọng trong phong trào đấu tranh của tỉnh Bắc Kạn nói chung, nhân dân các dân tộc Ngân Sơn nói riêng. Trước sự ra đời và lớn mạnh của các tổ chức quần chúng, lực lượng tự vệ.... Báo Việt Nam Độc lập có bài “Việt Minh ngũ tự kinh” đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân các dân tộc, trở thành lời kêu gọi thống thiết thúc giục nhân dân đứng lên làm cách mạng cứu nước:

*“Cùng đồng tâm hiệp lực
Đánh đuổi bọn hung tàn
Để lấy lại giang san
Mưu tự do độc lập”¹.*

Lo sợ trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng trong nhân dân, thực dân Pháp liên tiếp mở các cuộc càn quét, khủng bố trên toàn khu vực, trọng điểm là 3 tỉnh: Cao Bằng - Bắc Kạn - Lạng Sơn. Ngày 24-2-1944, địch tổ chức phục kích đoàn cán bộ Nam tiến tại Bản Loạng (Nà Khoang), bắn chết đồng chí Năm (tức Mỹ Thanh), bắn bị thương đồng chí Nông Công Tú. Ngoài ra chúng còn dùng nhiều thủ đoạn thâm độc và xảo quyệt như: mua chuộc, dụ dỗ, lừa phỉnh, dọa nạt, bắt bớ, giam cầm, chém giết, hòng lung lạc, khuất phục cán bộ và nhân dân². Người dân trong các làng khi ra khỏi làng đi sản xuất và khi trở về đều bị lính gác kiểm soát điểm danh từng người một. Đối với những gia đình có người nhà hoạt động cách mạng, thực dân Pháp bắt nộp 20 đồng, có người nhà là cán bộ Việt Minh phải nộp 200 đồng. Tuy nhiên, với tinh thần kiên cường đấu tranh, nhân dân các dân tộc xã Đức Vân đã vượt qua khó khăn, bí mật tập hợp lực lượng, tìm cách bảo vệ cơ sở cách mạng, liên lạc đón cán bộ về chỉ đạo phong trào. Thời gian này xã Hưng Đạo đã xây dựng được 1 đội tự vệ chiến đấu gồm 15 cán bộ, đội viên; vũ khí trang bị chủ yếu là giáo mác, mã tấu và một vài khẩu súng kíp.

1. Trích trong bài Việt Minh ngũ tự kinh.

2. Ngân Sơn lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975), tr.36.

Ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập tại Nguyên Bình (tỉnh Cao Bằng) do đồng chí Võ Nguyên Giáp tổ chức và chỉ huy. Đây là một trong những đội quân chủ lực của cách mạng, có vai trò to lớn trong xây dựng lực lượng và khởi nghĩa giành chính quyền từng phần ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang... Tại Ngân Sơn có các đồng chí đảng viên tham gia như: Dương Mạc Thạch, Hoàng Thịnh, Hoàng Văn Liông¹.

Bước sang năm 1945, chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc với ưu thế thuộc về phe Đồng Minh. Ngày 9-3-1945, Nhật tiến hành cuộc đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, chủ trương phát động “Cao trào kháng Nhật cứu nước” làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa trong toàn quốc. Thực hiện chủ trương này, đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã phân phối lực lượng tiến về các địa phương, đập tan chính quyền tay sai của địch và thành lập chính quyền cách mạng.

Sau cuộc đảo chính, chính quyền tay sai của Pháp lập tức bị tê liệt, hoang mang, lo sợ. Chớp thời cơ đó, Chi bộ Chí Kiên đã lãnh đạo các đội tự vệ chiến đấu tiêu trừ Việt gian, tước súng của lính đồng ở một số nơi. Cùng trong thời gian đó, một bộ phận của đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân chia thành nhiều mũi tiến về phía Nam

1. Bí danh Kính, người dân tộc Nùng xã Hưng Đạo (xã Đức Vân ngày nay).

hoạt động. Mặt trận Việt Minh tiến hành rải truyền đơn ở khắp nơi, nhất là Ngân Sơn, Bằng Khẩu nhằm uy hiếp tinh thần địch. Ngày 20-3-1945, một đơn vị Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến từ Cao Bằng xuống bao vây đồn Ngân Sơn. Chỉ sau một ngày, đồn Ngân Sơn được giải phóng, quân chúng từ các nơi đổ về châu lỵ mít tinh, biểu dương lực lượng và chào mừng thắng lợi. Ngay sau đó, lực lượng tự vệ và quần chúng tỏa về các xã Cốc Đán, Tô Khê, Bằng Đức, Bằng Khẩu, Đức Vân tước súng ống của lính đồng, tịch thu bằng sắc, ấn triện của bọn hào lý giải tán chính quyền địch, các sổ sách giấy tờ của chính quyền địch về các khoản thuế khóa, nợ nần bị quần chúng cách mạng thu lại thành từng đồng rồi châm lửa đốt¹ và thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời châu Ngân Sơn². Tại Đức Vân, chính quyền cách mạng được thành lập.

Cuối tháng 3-1945, một cánh quân Nhật gồm 500 tên từ Cao Bằng theo đường số 3 qua Đức Vân tiến xuống chiếm đóng thị xã Bắc Kạn. Ngay sau đó, chúng bắt các quan chức trong bộ máy thống trị thực dân cũ thả một số tù nhân bị giam hòng lừa bịp nhân dân ta. Mặt khác, chúng tập hợp tay chân đứng ra thành lập chính quyền, tổ chức chính trị thân Nhật. Thông qua các tổ chức phản động,

1. Ngân Sơn lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975), Tr.37.

2. Gồm 6 đại biểu: Đồng Phúc Vọng, Đồng Văn Thông, Lương Đình Hiệu, Nguyễn Ngọc Tinh, Nông Công Cử và Cao Xuân Tước, do đồng chí Đồng Phúc Vọng giữ chức Chủ tịch lâm thời.

phát xít Nhật ra sức tuyên truyền cho thuyết “Đại Đông Á” hòng xoa dịu dư luận, lừa bịp quần chúng. Trước tình thế hết sức căng thẳng, cán bộ cách mạng đã kịp thời vận động nhân dân thực hiện “vườn không nhà trống” nhằm bao vây và phá âm mưu tập trung dân của chúng. Các đội tự vệ, du kích tăng cường hoạt động, quấy rối chặn đánh nhiều cuộc hành quân càn quét, gây cho địch nhiều thiệt hại, buộc Nhật phải co cụm.

Từ giữa năm 1945, phe phát xít và quân Nhật liên tiếp thất bại trên các chiến trường ở châu Âu và Thái Bình Dương, báo hiệu thời cơ cách mạng đã chín muồi. Trước tình hình đó, từ ngày 13-15/8/1945, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị toàn quốc tại Tân Trào (Tuyên Quang), chủ trương lãnh đạo nhân dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng Minh kéo đến. Đêm ngày 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra Lệnh “Tổng khởi nghĩa”.

Trong khi đó, tin Nhật đầu hàng Đồng Minh khiến cho quân Nhật ở thị xã Bắc Kạn và các nơi khác lo sợ, phải rút lui về các đồn Phủ Thông, Nà Cù cố thủ. Đến ngày 17-8-1945, cùng với Giải phóng quân và du kích các địa phương khác ở Bạch Thông, Ngân Sơn, du kích Đức Vân đã kéo đến bao vây Phủ Thông (Bạch Thông), cắt đứt mọi con đường tiếp tế lương thực, vũ khí khiến địch rơi vào cảnh khốn cùng. Sáng ngày 19-8-1945, Nhật gặp đại biểu Việt Minh tại sân bay Bắc Kạn để giao nộp hồ sơ và kho tàng. Ngày 23-8-1945, quân Nhật rút khỏi

thị xã Bắc Kạn. Châu Ngân Sơn và tỉnh Bắc Kạn hoàn toàn được giải phóng.

Khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Bắc Kạn diễn ra nhanh chóng và hoàn toàn giành thắng lợi, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của nhân dân Đức Vân. Thắng lợi đó đánh dấu sự lớn mạnh của lực lượng vũ trang xã cũng như châu và tỉnh. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Đức Vân đập tan xiềng xích gần một trăm năm đô hộ của thực dân Pháp, lập nên chính quyền dân chủ của nhân dân, mở ra một thời kì mới trên chặng đường đấu tranh giành độc lập, tự do và ấm no hạnh phúc.

II. KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. Xây dựng chính quyền cách mạng (1945-1946)

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã tạo một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam, mở ra một kỉ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc. Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khẳng định với thế giới rằng “Việt Nam là một nước độc lập và thực sự đã độc lập”. Song Nhà nước cách mạng non trẻ vừa mới ra đời đã phải đương đầu với những khó khăn chồng chất: Ngân khố trống rỗng, kinh tế lạc hậu, thời tiết khắc nghiệt, giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm cùng lúc đe dọa... Vận mệnh đất nước lúc này như “Ngàn cân treo sợi tóc”.

Nằm trong bối cảnh chung của cả nước, ở Đức Vân, phần lớn diện tích canh tác trên địa bàn xã bị bỏ hoang, sản xuất tiêu điều, các tệ nạn xã hội như trộm cắp, cờ bạc, khai thác vàng, nghiện hút... còn phổ biến. Bộ máy chính quyền cách mạng ở xã vừa mới thành lập, chưa có nhiều kinh nghiệm quản lý, điều hành các hoạt động.

Bên cạnh những khó khăn, cán bộ, đảng viên và nhân dân Đức Vân có những điều kiện thuận lợi cơ bản: Quê hương được giải phóng, chính quyền xã và các đoàn thể quần chúng đã được thành lập và bước đầu đi vào hoạt động, nhân dân một lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền cách mạng.

Với cuộc vận động chống đói, Ủy ban cách mạng lâm thời và Mặt trận Việt Minh xã Đức Vân tổ chức phát động nhân dân tham gia lập hũ gạo cứu đói, tương trợ lẫn nhau, đồng thời đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Ủy ban tích cực tuyên truyền tấm gương Hồ Chủ tịch: “Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu đói dân nghèo”. Mặt trận Việt Minh kêu gọi nhân dân tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau theo tinh thần “Lá lành đùm lá rách”. Chính quyền xã kêu gọi nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất với các khẩu hiệu “Không một tấc đất bỏ hoang”, “Tắc đất, tắc vàng”. Dưới sự chỉ đạo của chính quyền xã, nhân dân địa phương đã vượt qua tập quán độc canh, tiến hành khai phá đất đai, mở rộng diện tích canh tác. Trong sản xuất, nhân dân giúp nhau về nhân công, trâu cày, gia đình nhiều ruộng chia sẻ với gia đình ít ruộng...

Song song với việc chống giặc đói, trước thực trạng ngân khố Quốc gia trống rỗng, ngày 4-9-1945, Chính phủ ra Sắc lệnh xây dựng “Quỹ độc lập” và tổ chức “Tuần lễ vàng”. Mặc dù cuộc sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng với lòng yêu nước nồng nàn, nhân dân Đức Vân đã nhiệt tình tham gia ủng hộ cho chính quyền cách mạng 3 con trâu. Số lượng quyên góp chưa lớn song đã thể hiện tinh thần yêu nước, sẵn sàng đóng góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của các tầng lớp nhân dân địa phương.

Đối với công tác xóa nạn mù chữ, Ban Bình dân học vụ xã Đức Vân được thành lập năm 1945, Ban Bình dân học vụ phối hợp với các đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cổ động, vận động nhân dân đi học. Đầu năm 1946, có nhiều lớp bình dân học vụ được mở vào các buổi trưa, tối thu hút các tầng lớp nhân dân từ già trẻ, trai gái hăng hái tham gia. Đến cuối năm 1946, xã có hàng chục người dân thoát nạn mù chữ.

Thực hiện Sắc lệnh số 51-SL ngày 17-10-1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bầu cử Quốc hội, dưới sự chỉ đạo của Châu bộ Việt Minh Ngân Sơn, chính quyền cách mạng lâm thời ở Đức Vân khẩn trương chuẩn bị và tổ chức tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa cuộc Tổng tuyển cử. Ngày 6-1-1946, cùng với cử tri tỉnh Bắc Kạn, nhân dân Đức Vân hăng hái đến nhà Cứu quốc trung tâm xã tham gia bầu cử Quốc hội khóa I với 90% số cử tri trực tiếp đi bỏ phiếu, góp phần vào thắng lợi của cuộc bầu cử trên phạm vi cả nước.

Sau hơn một năm giành được chính quyền, phong trào cách mạng trên địa bàn xã Đức Vân đã đạt nhiều thắng lợi quan trọng: Cán bộ và nhân dân tích cực thực hiện cuộc vận động lớn của Đảng và Chính phủ phát động; chính quyền cách mạng từ xã đến các thôn bản được bảo vệ và ngày càng được củng cố vững mạnh; bước đầu xây dựng được cuộc sống tự do, dân chủ, lành mạnh, thể hiện rõ tính ưu việt của chế độ dân chủ nhân dân đó là nền tảng cơ bản để cán bộ và nhân dân Đức Vân bước vào thời kỳ mới: Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

2. Nhân dân Đức Vân anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1949)

Cuối năm 1946, mọi nỗ lực của Chính phủ ta trong thương lượng hòa hoãn với Pháp đều không có kết quả. Thực dân Pháp đáp lại thiện chí của ta bằng cách tăng viện binh, gây hấn ở nhiều nơi. Để giành thế chủ động, ngày 19-12-1946, quân ta nổ súng tấn công các vị trí quân Pháp ở Hà Nội, mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc. Ngay đêm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, khẳng định quyết tâm của toàn thể dân tộc: “Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ!...”. Tiếp đó, ngày 22-12-1946, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”, nêu rõ mục đích của cuộc kháng chiến là bảo vệ nền độc lập, thống nhất Tổ quốc.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chính quyền xã Đức Vân tập trung lãnh đạo nhân dân làm tốt công tác chuẩn bị, sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu

mới. Ủy ban bảo vệ được thành lập, sau một thời gian ngắn được đổi thành Ủy ban kháng chiến. Ủy ban hành chính xã có một ủy viên quân sự phụ trách công tác xây dựng lực lượng¹.

Trải qua hơn một năm xây dựng phong trào cách mạng, những quần chúng ưu tú đang giữ những vị trí chủ chốt trong chính quyền và các đoàn thể như đã tích cực rèn luyện, từng bước trưởng thành và trở thành cốt cán trong các phong trào của địa phương. Đặc biệt, đồng chí Đinh Ngọc Sỹ (vào đảng ngày 20-01-1946), Đinh Văn Tàu thôn Bản Duối là những đảng viên đầu tiên của quê hương được kết nạp từ năm 1946.

Ngay sau khi ổn định tổ chức, chính quyền xã Đức Vân bắt tay vào công tác chuẩn bị lực lượng sẵn sàng chiến đấu. Chính quyền xã tổ chức cho cán bộ và nhân dân học tập về nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, đề từ đó nắm vững đường lối kháng chiến của Đảng. Lực lượng dân quân tăng cường luyện tập và tuần tra bảo vệ trị an, kịp thời phát hiện các phần tử phản cách mạng để có biện pháp răn đe, trấn áp. Ủy ban hành chính cùng Ủy ban bảo vệ các cấp đã tuyên truyền phát động phong trào quần chúng tự vệ vũ trang. Chỉ trong một thời gian ngắn xã đã củng cố và xây dựng được một trung đội tự vệ gồm 3 tiểu đội, mỗi tiểu đội có từ 10-12 người. Tự vệ du kích biết chế

1. Tháng 10-1947, Ủy ban hành chính sáp nhập với Ủy ban kháng chiến thành Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính. Từ tháng 3-1948 gọi là Ủy ban kháng chiến hành chính để điều hành các hoạt động kháng chiến, kiến quốc cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp (1954).

ra súng đại bác bằng những vật liệu có sẵn¹. Đặc biệt, Đức Vân là xã nằm dọc trục Quốc lộ số 3 nên trung đội tự vệ được cấp trên cấp 40 quả mìn và lựu đạn² để luôn sẵn sàng nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu.

Công tác tiêu thổ kháng chiến được tiến hành khẩn trương. Lực lượng du kích và nhân dân Đức Vân đã đóng góp hàng trăm ngày công phá cầu, cống nằm trên trục đường giao thông và đắp ụ cao, đào hố sâu ở đường số 3 không cho xe cơ giới của địch đi lại. Tài liệu của các cơ quan đều có kế hoạch cất giấu, di chuyển đến những nơi an toàn. Bên cạnh đó, Ban Tản cư xã được thành lập, cùng với đội du kích trực tiếp chỉ đường, hướng dẫn kế hoạch tản cư cho nhân dân trong trường hợp bị địch đánh phá.

Về phía địch, thực hiện chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh”, ngày 7-10-1947, thực dân Pháp mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc nhằm mục đích phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt phần lớn bộ đội chủ lực của ta, khóa chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn sự liên lạc của ta với quốc tế. Cùng ngày, thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống Chợ Đồn, Chợ Mới, thị xã Bắc Kạn. Ngay khi Pháp chiếm đóng thị xã, dưới sự lãnh đạo của chính quyền xã, quân và dân đã khẩn trương sơ tán người già, phụ nữ, trẻ em, tiến hành cất giấu lương thực, thực phẩm. Lực lượng thanh niên và những người khỏe

1. Súng làm bằng ống bương, nhồi thuốc súng và mảnh gang, mảnh sành rồi châm lửa vào ngòi thuốc nổ. Loại súng này chỉ bắn được 1 lần.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử Đảng bộ huyện Ngân Sơn, tập II*, Tr.74-75.

mạnh ở lại bám trụ chiến đấu. Ngày 16-10-1947, 300 xe vận tải chở đầy lính Pháp từ Cao Bằng kéo xuống Ngân Sơn và 1 cánh quân khác từ Bắc Kạn kéo lên. Tại xã Đức Vân chúng tiến hành các hoạt động khai thác vàng ở Ma Nu. Trước thế giặc mạnh, để bảo toàn lực lượng, chính quyền tiếp tục sơ tán nhân dân, đồng thời tổ chức cho đội du kích phá hủy đường giao thông, tiến hành quấy rối, làm tiêu hao sinh lực địch.

Tháng 1-1948, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về việc phân tán bộ đội chủ lực thành các tiểu đoàn tập trung, đại đội độc lập nhằm giúp đỡ các địa phương, Trung đoàn 72 Bắc Kạn phân công Tiểu đoàn 77 đến Ngân Sơn phối hợp cùng bộ đội, dân quân và du kích đánh trận đầu tiên ở Nà Tổng, diệt 10 tên địch, bắn cháy 2 xe vận tải. Trong tháng 2-1948, ta mở chiến dịch Xuân - Hè nhằm tiêu diệt địch hành quân trên các tuyến giao thông và các vị trí đóng quân lẻ. Mở đầu chiến dịch tại mặt trận Ngân Sơn, Tiểu đoàn 77 hiệp đồng với trung đội du kích tập trung của châu đã tổ chức bao vây, tiến công các đồn bót lẻ của địch ở Lũng Vài, Lũng Phải, Mèo Dăm. Lực lượng ta đã tiêu diệt và làm tan ra một phần lớn quân địch, bọn chúng hoảng sợ buộc phải rút chạy về co cụm ở sát đồn Bằng Khẩu. Tại đây, chúng xây dựng 2 bót nhỏ nhưng khá vững chắc, 1 bót ở phố Bằng Khẩu, 1 bót ở trên đồi Phía Bả đối diện và cách nhau khoảng 100m. Theo kế hoạch, quân ta sẽ hạ đồn Bằng Khẩu bằng hai trận tiến công, trận thứ nhất đánh thẳng vào bót ở phố Bằng Khẩu, trận thứ hai đánh thẳng vào bót ở trên đồi cao. Đêm ngày 26-2-

1948, 1 đại đội thuộc Tiểu đoàn 45; Tiểu đoàn 77 và trung đội du kích tập trung của châu¹ đã đồng loạt nổ súng tiến công vào bất địch ở phố Bằng khẩu. Bọn địch hoảng sợ không dám chống cự, bỏ chạy bất trên đồi cao, ta tiêu diệt một số tên, thiêu hủy bất rồi rút lui.

Quyết không để cho địch yên ổn và ngang nhiên hoạt động, đêm ngày 12-3-1948, đại đội du kích Ba Bể và một đơn vị của Trung đoàn 72 tiến công địch ở đồn Nà Phặc, diệt gần một chục tên. Tiếp đến 5h sáng ngày 22-5-1948, Đại đội 1, Tiểu đoàn 39, Trung đoàn Thủ đô, do đồng chí Nguyễn Thái Dũng chỉ huy làm nhiệm vụ huấn luyện tân binh đã bị 70 sĩ quan, binh lính Pháp và phi tập kích. Sau 4h chiến đấu quyết liệt, quân ta đã tiêu diệt tại chỗ 18 tên (10 lính Pháp và 8 thổ phi), thu 1 súng trường Mỹ, 1 quả lựu đạn AT, 50 viên đạn súng trường, bắt 1 tù binh người Đức. Ta hy sinh 17 đồng chí, bị thương 18, mất 5 súng trường. Trước tình hình đó, hội nghị quân sự toàn tỉnh lần thứ nhất đề ra nhiệm vụ: tiếp tục củng cố dân quân du kích, chủ động đánh mạnh vào các trục đường giao thông, uy hiếp địch trong các cứ điểm. Thực hiện chủ trương trên, các đảng viên, cán bộ trên địa bàn xã cùng các địa phương bạn đã nêu cao tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau trong mọi hoạt động, làm nên chiến thắng Phủ Thông (tháng 7-1948), giúp lực lượng ta giành được thế chủ động trên các địa bàn phía bắc tỉnh, bao gồm Bạch Thông và Ngân Sơn. Để giành lại vùng đất bị ta lấy đi,

1. Sắc lệnh số 148/SL ngày 25-3-1948 bãi bỏ các danh từ phủ, châu, quận. Theo đó, cấp trên cấp xã và dưới cấp tỉnh nay nhất luật gọi là cấp “huyện”.

giặc Pháp đẩy mạnh các cuộc càn quét, lùng sục, giết, cướp bóc các khu dân cư, gây nhiều tội ác.

Trước tình hình đó, chính quyền xã Đức Vân chỉ đạo du kích địa phương tăng cường các hoạt động đánh địch nhằm tiêu hao sinh lực của chúng và bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân. Bên cạnh đó, tổ chức phối hợp với các hoạt động quân sự, các mũi tiến công binh vận, chính trị tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh bại kẻ thù. Trong năm 1948, xã vinh dự tiếp tục có thêm 3 đồng chí được kết nạp vào Đảng là: Bùi Văn Nhi (ngày 02-02-1948), Bùi Văn Thân (02-8-1948) và Nguyễn Đức Hoa (9-8-1948).

Sau hai năm chiến đấu kiên cường và bền bỉ, vượt lên mọi gian nan, thử thách, quân và dân xã Đức Vân đã cùng quân và dân trong tỉnh lập được nhiều chiến thắng, gây cho giặc Pháp những thất bại nặng nề. Từ ngày 9-11/8/1949, quân Pháp rút khỏi thị xã Bắc Kạn và các đồn Phủ Thông, Ngân Sơn... Sau khi địch rút, ta đã kịp thời tiếp quản các vị trí.

3. Xây dựng hậu phương, tích cực chi viện cho tiền tuyến đến ngày thắng lợi (1950-1954)

Quê hương được giải phóng, ách áp bức của thực dân Pháp không còn nữa, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chủ trương chia lại địa giới hành chính, theo đó hai xã Bằng Đức và Đức Vân sáp nhập thành xã Bằng Vân. Cùng với đó, Chi bộ Đảng xã Bằng Vân được thành lập. Đồng chí Bế Ích Vận¹ được chỉ định giữ chức Bí thư Chi bộ.

1. Người xã Bằng Vân hiện nay.

Nhân dân Bằng Văn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, phần khởi tham gia xây dựng và bảo vệ cuộc sống mới. Tuy nhiên do ảnh hưởng của chiến tranh và những ảnh hưởng từ chính sách cai trị của thực dân Pháp để lại, đặc biệt là chính sách “Cướp sạch, phá sạch, giết sạch” của địch khiến nhiều nhà cửa bị đốt phá hư hỏng, các thôn bản xơ xác tiêu điều, đất đai trông trọt bị hoang hóa. Thêm vào đó, trận mưa lớn ngày 16-10-1950 đã gây lũ lụt trên diện rộng, làm thiệt hại sản lượng lúa, ngô,... Phần lớn các gia đình đều thiếu ăn. Nhu yếu phẩm như muối, vải, thuốc chữa bệnh... và nông cụ sản xuất thiếu trầm trọng.

Trước tình hình đó, được sự chỉ đạo của huyện, Chi bộ đã phân công cán bộ vận động bà con nông dân trồng lại một số diện tích cây trồng bị mất vì lũ lụt, phát triển thêm các diện tích khác như ngô, khoai, sắn; tổ chức cứu tế bằng gạo, muối, diêm, thuốc chữa bệnh. Nhân dân còn giúp đỡ nhau trong sản xuất nông nghiệp. Công tác giáo dục thời kỳ này gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là phong trào bình dân học vụ đến năm 1952 ngừng hẳn, không triển khai được. Phải đến cuối 1953 mới từng bước được phục hồi. Nguyên nhân là do cơ sở vật chất phục vụ không đủ, địa bàn xa trong khi dân cư phân tán nhiều người chưa hiểu hết ý nghĩa của công tác xóa mù chữ. Ngoài ra, tình trạng thiếu giáo viên là nguyên nhân quan trọng khiến phong trào không được duy trì thường xuyên, đầy đủ.

Về giao thông, từ sau chiến dịch Biên giới Thu - Đông năm 1950, để ngăn chặn sự chi viện của nhân dân ta cho chiến trường, thực dân Pháp liên tiếp cho máy bay

bắn phá đường số 3, con đường giao thông huyết mạch nối căn cứ địa Việt Bắc với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Liên khu 4. Nguy hiểm hơn, trong các tháng 7, 8, 9 năm 1952, địch cho máy bay nhiều lần bắn súng trực tiếp vào nhiều bản¹. Đặc biệt, ngày 27-1-1953, địch cho máy bay B26 bắn vào bản Pù Mò làm chết 1 người². Đến ngày 7/3/1953, máy bay địch tiếp tục bắn 27 băng đạn xuống thôn Pù Mò, cách khu dân cư 1km nên không gây thiệt hại gì về người. Trước tình hình đó, chi bộ và chính quyền xã chỉ đạo nhân dân khẩn trương đào hầm, hố trú ẩn, đồng thời thành lập một trung đội dân công xã phối hợp với lực lượng công binh và dân quân các xã tổ chức làm lại những đoạn đường bị bom đạn phá hủy, đảm bảo giao thông thông suốt. Nhiều người đi dân công hằng tháng, các cán bộ chỉ huy trực tiếp đứng cạnh bom nổ chậm để động viên đồng đội an tâm làm nhiệm vụ. Đặc biệt, Đoàn Thanh niên xung phong đã hoạt động tích cực, hiệu quả, phục vụ kháng chiến. Ban ngày địch bắn phá, ban đêm dân công, thanh niên xung phong đốt đuốc sửa đường. Tuy điều kiện sinh hoạt khó khăn nhưng cuộc sống tinh thần của họ vẫn vui tươi, lạc quan. Không khí lao động nhộn nhịp xen lẫn tiếng hát hò:

“Trời mưa ướt áo ướt quần

Làm sao ướt được tinh thần thanh niên”³

1. Trích Báo cáo tình hình 3 tháng 7,8,9 năm 1952 của Huyện ủy Ngân Sơn, số 35 BC-NS, ngày 30-10-1952.

2. Trích Báo cáo tình hình mọi mặt năm 1953 của Huyện ủy Ngân Sơn, số 26-BC/NS, ngày 20-11-1953.

3. BCH Đảng bộ huyện Ngân Sơn, Lịch sử đấu tranh cách mạng Ngân Sơn (1939-1945), Tr.78.

Dù phải chịu nhiều trận mưa lũ và bom đạn của địch nhưng đường số 3 vẫn được giữ thông suốt. Ngoài ra, theo sự chỉ đạo của huyện, nhân dân Bằng Vân cùng nhân dân một số xã tổ chức mở thêm một đoạn đường tránh từ Bản Hòa đến Mỹ Vi, phòng khi đoạn Đèo Giàng bị ách tắc.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền thời gian này còn nhiều hạn chế. Một số đảng viên sa sút tinh thần chiến đấu, ý thức tổ chức kỷ luật kém. Một số cán bộ thiếu gương mẫu trong thực thi lệnh tuyển quân, nộp thuế¹ và buộc phải xử lý hình sự. Trước tình hình đó, Huyện ủy chỉ đạo tổ chức củng cố hoạt động Chi bộ, kiên trì giáo dục, bồi dưỡng đảng viên. Mặt khác tổ chức xử lý nghiêm, kỷ luật những đảng viên vi phạm. Nhờ đó đến đầu năm 1954, hoạt động của Chi bộ và chính quyền từng bước được ổn định.

Thất bại liên tiếp trên các chiến trường, thực dân Pháp tập trung lực lượng xây dựng Điện Biên Phủ thành “một pháo đài không thể công phá”, nhằm “tạo ra những điều kiện quân sự làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có danh dự”. Trong tình hình mới, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954, với khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”, nhân dân xã Bằng Vân tích cực quyên góp lương thực, thực phẩm quần áo gửi ra mặt trận, đặc biệt năm 1953 xã có 15 thanh niên xung phong nhập ngũ, lên đường đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu, Hội Phụ nữ xã vận động

1. Trích báo cáo tình hình mọi mặt 6 tháng đầu năm 1953 của ban Huyện ủy Ngân Sơn, số 09-BC/NS, ngày 15-6-1953.

chị em viết thư gửi ra mặt trận động viên binh sĩ. Nhiều thanh niên, nông dân, phụ nữ ở các thôn bản không quản ngại khó khăn, tham gia dân công lên đường phục vụ chiến dịch. Tính riêng 6 tháng đầu năm 1953, theo chỉ đạo của huyện, xã Bằng Vân đã tổ chức 4 đợt huy động được 123 người tham gia dân công hỏa tuyến, đứng thứ 3 toàn huyện¹. Tháng 12-1953, xã Bằng Vân được tách thành 2 xã: xã Chí Kiên (xã Đức Vân ngày nay) và xã Công Bằng, đồng thời Chi bộ ghép Bằng Vân đổi tên thành Chi bộ ghép Chí Kiên.

Ngày 7-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Tiếp đó, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết, miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Là hậu phương chiến đấu, quân dân địa phương vô cùng phấn khởi, tự hào đã đóng góp một phần công sức vào chiến thắng “Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” của dân tộc.

Chín năm kháng chiến chống Pháp (1946-1954) là chặng đường nhiều khó khăn, gian khổ nhưng đầy tự hào của cán bộ và nhân dân địa phương. Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến tháng 12-1946 là thời kỳ nhân dân củng cố những thắng lợi đã giành được, chuẩn bị điều kiện để bước vào một cuộc chiến tranh cách mạng trường kỳ.

1. Xã Thượng Quan huy động được 187 người, Thanh Tâm được 136 người, Bằng Vân 123 người, Bằng Khẩu 85 người, Cao Minh 63 người, Ngân Sơn 37 người, Hương Nê 33 người. Trích theo *Báo cáo số 09-BC/NS ngày 15-6-1953 về tình hình mọi mặt 6 tháng đầu năm 1953 của Huyện ủy Ngân Sơn*, tr.5, Phòng Lưu trữ Huyện ủy.

Từ năm 1947-1949, địa bàn xã nằm trong vùng bị địch chiếm đóng, nhà cửa, ruộng vườn, trâu, bò và nhiều tài sản khác của nhân dân bị cướp bóc đốt phá. Tuy nhiên cán bộ, đảng viên nơi đây vẫn kiên trung bám đất, bám dân, xây dựng phong trào cách mạng; nhân dân địa phương một lòng tin theo Đảng, tham gia du kích, giúp đỡ bộ đội chủ lực đánh giặc, gây cho kẻ thù nhiều tổn thất buộc chúng phải rút chạy khỏi Ngân Sơn. Từ năm 1950, địa bàn Đức Vân được hoàn toàn giải phóng trở thành hậu phương chiến lược đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp kháng chiến đến toàn thắng.

Những năm kháng chiến lâu dài gian khổ đã để lại cho tổ chức Đảng và nhân dân Đức Vân nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc. Một là coi trọng công tác xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng, tổ chức, đảm bảo vai trò lãnh đạo cách mạng địa phương. Hai là, phải hết sức quan tâm đến việc giáo dục, tổ chức, vận động quần chúng nhân dân, đi đôi với chú ý bồi dưỡng sức dân để nhân dân yên tâm, phấn khởi tham gia cách mạng, phát huy bản chất và chủ nghĩa anh hùng trong chiến đấu.

Kinh nghiệm thực tế cùng những thành tích đạt được là cơ sở quan trọng và vững chắc để cán bộ, đảng viên và nhân dân Bằng Vân bước sang giai đoạn tiếp theo: Khôi phục kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống mới trên quê hương và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Chương III

THAM GIA XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO MIỀN NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC(1954-1975)

I. THAM GIA XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC (1954-1965)

1. Khôi phục kinh tế sau chiến tranh, tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp (1954-1960)

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ cùng với Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết đã kết thúc cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược. Việt Nam tạm thời chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tạm thời đặt dưới ách thống trị của Mỹ ngụy, tiếp tục cuộc đấu tranh cách mạng dân tộc dân chủ. Trước tình hình đó, Đảng ta đề ra nhiệm vụ: Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục cải cách ruộng đất, đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam đấu tranh đòi Mỹ cùng các thế lực tay sai thi hành đúng Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Bước vào thời kỳ hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, địa phương có những thuận lợi cơ bản:

đất nước được hòa bình, có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; nhân dân tin tưởng vào đường lối cách mạng lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên giống như nhiều địa phương khác trên cả nước, cán bộ và nhân dân đứng trước những khó khăn không nhỏ: Kinh tế chậm phát triển, phương thức canh tác và nông cụ thô sơ lạc hậu...; đội ngũ số lượng đảng viên ít, trình độ quản lý và năng lực điều hành chưa cao; một số cán bộ, quần chúng nhận thức chưa kịp chuyển biến so với tình hình mới.

Sau 4 năm thực hiện mô hình hợp nhất xã, đến tháng 12-1953, xã Bằng Vân được chia làm 2 xã Công Bằng (Bằng Đức) và Chí Kiên (Đức Vân). Xã Chí Kiên lúc này gồm có 7 bản với gần 400 nhân khẩu.

Cùng với sự kiện thành lập xã, Chi bộ xã Bằng Vân được đổi tên thành Chi bộ ghép Chí Kiên gồm 3 xã Chí Kiên, Bằng Khẩu, Công Bằng với 9 đảng viên. Đồng chí Đinh Hữu Mộc được chỉ định giữ chức Bí thư Chi bộ.

Nhằm ổn định đời sống nhân dân, chính quyền xã Chí Kiên phát động nhân dân ra sức đẩy mạnh sản xuất, tổ chức khai hoang, phục hóa một số diện tích đưa vào canh tác. Đồng bào giúp đỡ tương trợ lẫn nhau về giống, sức kéo, nông cụ sản xuất... Phong trào cây ải, làm chuồng trâu, gom phân, chuyển phân xuống ruộng có nhiều tiến bộ đã góp phần nâng cao năng suất, sản lượng, lương thực. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của hạn nặng vụ mùa trong 3 tháng (7-9/1955) toàn huyện có 1.108 bung không thể cấy được do thiếu nước. Riêng xã Công Bằng và Chí Kiên phải bỏ tới 300 bung. Trước tình hình đó, tỉnh và huyện đã triệu tập

hội nghị sản xuất, chỉ đạo xã xây dựng kế hoạch chống hạn và vận động sản xuất bằng cách chuyển hướng trồng hết diện tích. Ngoài những diện tích có thể cấy được lúa (giống Nam Ninh, lúa Mo), số diện tích còn lại sẽ trồng ngô, khoai lang, đỗ xanh. Bên cạnh đó, ngay trong 3 tháng này, huyện hỗ trợ xã đầu tư xây dựng được 3 mương dẫn nước để đảm bảo một phần nguồn cung cho vụ sau. Tuy nhiên, vụ mùa năm 1955 xã vẫn bị thất thu lớn do thiếu nước và nạn sâu cắn lúa. Riêng trong đầu tháng 10-1955, xóm Bản Đăm người dân đã bắt được 500kg sâu. Đời sống nhân dân nhìn chung còn gặp nhiều khó khăn. Tình trạng đói ăn xuất hiện, các xã Thượng Quan, Long Bằng, Chí Kiên, Công Bằng, Lê Lợi, Thanh Tâm, Bằng Khẩu có 17 thôn, 24 gia đình với 101 nhân khẩu bị đói¹. Huyện đã cử đoàn công tác xuống các xã để vận động và hướng dẫn sản xuất cho người dân.

Bên cạnh nhiệm vụ khôi phục kinh tế, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Đảng bộ huyện Ngân Sơn đã lãnh đạo nhân dân các xã tiến hành thực hiện chính sách của Nhà nước về cải cách ruộng đất. Đầu năm 1955, đội cải cách do đồng chí Nông Công Tú phụ trách về xã công tác. Trên cơ sở điều tra, xác định thành phần, tổ chức học tập chủ trương chính sách của Đảng trong nhân dân, đoàn cải cách quy thành phần ông Chu Văn Ban² (thôn Phiêng Dạng - người Dao) và ông Nguyễn Văn Kiểm (Bản Tặc) là địa chủ.

1. Báo cáo số 27-BC/NS về tình hình 3 tháng (7-9/1955) huyện Ngân Sơn, tr.2-3, Phòng lưu trữ Huyện ủy.

2. Sau một thời gian bị bắt giam, ông Chu Văn Ban đã chết trong tù.

Mục đích của cải cách ruộng đất là nhằm đánh đổ địa chủ, giành lại quyền làm chủ ruộng đất cho người dân, nhưng thực tế tiến hành cải cách ruộng đất mắc phải những hạn chế, sai lầm. Tuy nhiên, nằm trong bối cảnh chung của miền Bắc, công tác phát động quần chúng cải cách ruộng đất cũng mắc phải hạn chế là đã áp đặt quy sai một số thành phần và đấu tố sai một số trường hợp. Sau khi đội cải cách rút đi, tình hình địa phương trở nên căng thẳng, một số quần chúng hoang mang dao động.

Nhận rõ được những sai lầm trong giảm tô và cải cách ruộng đất ở miền Bắc, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 10 (tháng 9-1956) chủ trương kiên quyết sửa sai trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn xác định mục đích, yêu cầu sửa sai theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10 là: “Giải quyết từng bước những sai lầm đối với cán bộ, đảng viên, quần chúng, giải quyết mâu thuẫn trong Đảng và nhân dân, những khó khăn trong đời sống tinh thần và làm ăn của quần chúng”.

Thực hiện chủ trương sửa sai của Trung ương Đảng và Chính phủ, với phương châm “khôn trương, thận trọng, đi từng bước vững chắc” do Tỉnh ủy đề ra, từ ngày 22-11-1956, Ủy ban hành chính xã Chí Kiên đã tiến hành sửa chữa những sai lầm một cách nghiêm túc. Các cán bộ sửa sai không chỉ đi sâu sát trong quần chúng mà còn biết dựa vào các cán bộ cơ sở và những người có uy tín trong các thôn bản để tổ chức học tập, thuyết phục nhân dân. Đối chiếu với tiêu chuẩn và nội dung sửa sai 12 điểm của

Trung ương, địa phương đã đề nghị lên trên xem xét đền bù tài sản và hạ thành phần cho ông Chu Văn Ban xuống trung nông lớp trên, ông Nguyễn Văn Kiểm được thả tự do. Công tác sửa sai đã xóa bỏ mặc cảm, hàng rào ngăn cách, củng cố bầu không khí trong các thôn bản.

Cùng với quá trình thực hiện giảm tô và sửa sai, Chi bộ xã còn chỉ đạo cán bộ, đảng viên và các đoàn thể quần chúng làm nòng cốt cho phong trào xây dựng tổ đổi công. Chi bộ đã chỉ đạo thành lập Ban Vận động tổ đổi công do đồng chí Đinh Văn Thọ làm Trưởng ban, phân công cán bộ về từng bản vận động nhân dân tham gia các tổ đổi công theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng “Lấy đổi công hợp tác làm trung tâm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp”. Từ việc phát động xây dựng các tổ đổi công trong thời gian kháng chiến chống Pháp, đến cuối năm 1957, trên địa bàn xã Chí Kiên đã thành lập được 6 tổ đổi công¹ là: Bản Tặc, Bản Duôi, Bản Dăm, Bản Chang, Quan Làng, Nưa Phia. Riêng Phiêng Dượng không thành lập được tổ đổi công do có quá ít hộ gia đình sinh sống. Các tổ đổi công từng bước giải quyết những khó khăn về sức kéo, sâu bệnh phá hoại, nông cụ và các khâu sản xuất cho nhân dân. Đặc biệt, trong vụ mùa thời tiết nắng hạn kéo nhiều cánh đồng trong toàn huyện, đặc biệt tại xã Chí Kiên sâu bệnh chuyển sang giai đoạn cắn cuống lúa và ăn hết cỏ ở bờ ruộng. Trước diễn biến phức tạp của sâu bệnh, huyện đã chỉ đạo các xã phát động chiến dịch chống hạn,

1. Tổ đổi công được xây dựng dựa trên từ 5 - 10 hộ gia đình ở gần nhau, có bầu tổ trưởng, tổ phó điều hành, phân chia công việc.

chống sâu bệnh. Trong chiến dịch này, các tổ đổi công xây dựng được 3 con mương¹, trong đó có 2 con mương ở Quan Làng dài 80 sải mất 140 ngày công, tưới được 43 bung ruộng, tu sửa phai, đập, đào vét mương, bắc thêm máng nước, thậm chí huy động người gánh nước tưới cho những ruộng lúa mới cấy bị hạn, ra đồng bắt sâu tiêu biểu ở tổ đổi công ở Bản Tặc có gia đình ông Chu Văn Mạn đã cùng các gia đình khác trong tổ thay nhau dùng tay kéo cọn lấy nước cấy lúa khi suối cạn nước không đủ lực làm quay cọn nước; tại Bản Đăm đã huy động được gần 1.750 ngày công của xã viên và bắt được nhiều kilôgam sâu trên cánh đồng². Cùng với công tác thủy lợi, chống sâu bệnh, xã còn tăng cường áp dụng những biện pháp kỹ thuật mới trong nông nghiệp, tận dụng các nguồn phân xanh, phân bón, bèo hoa dâu... Tuy đã có nhiều cố gắng trong công tác khắc phục hạn hạn và nạn sâu bệnh nhưng xã vẫn có 300 bung ruộng (1 bung tương đương 1.000m²) bỏ hoang³, năng suất lúa đạt thấp từ 120-130 kg/bung, nhiều hộ gia đình bị thiếu ăn thường xuyên hàng ngày phải ăn củ bấu, củ mài để chống đói.

Trong giai đoạn này đàn bò được chú trọng, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy về xây dựng các tổ chăn nuôi bò. Các tổ đổi công đã góp vốn mua bò về chăn nuôi chung.

1. Trích Báo cáo số 03 tháng thứ III 7,8,9/1955 của Huyện ủy, Số 27BC/NS, ngày 6-10-1955.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử Đảng bộ huyện Ngân Sơn, tập II* (1954-1975), Tr.11.

3. Trích Báo cáo số 27BC/NS của Huyện ủy Ngân sơn ngày 6-10-1955 về 3 tháng thứ III 7,8,9/1955.

Tuy nhiên, do chưa xây dựng được kế hoạch phát triển lâu dài nên đàn bò phát triển còn chậm và không ổn định. Bên cạnh đàn lợn, đàn gia cầm (vịt, gà) được nhân dân chăn nuôi tại các hộ gia đình. Năm 1957, toàn xã có 235 con trâu, 65 con bò, 220 con lợn.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp bộ máy chính quyền xã từng bước được xây dựng nhưng do hoàn cảnh chiến tranh, còn nặng nề về hành chính và kháng chiến. Hòa bình lập lại, Chi bộ, chính quyền địa phương chỉ đạo toàn diện mọi hoạt động, có quyền hạn cụ thể trong tổ chức, quản lý kinh tế. Mối quan hệ giữa tổ chức Đảng và Nhà nước, giữa chính quyền và các đoàn thể quần chúng, nhân dân được phân định trách nhiệm rõ ràng. Sau năm 1954, Ủy ban kháng chiến hành chính xã đổi thành Ủy ban hành chính. Đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành chính xã Chí Kiên từ năm 1954-1958 là đồng chí Đinh Ngọc Sỹ. Năm 1956, Chi bộ ghép Chí Kiên tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1956-1957. Đồng chí Đinh Hữu Mộc được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ.

Tháng 10-1957, Huyện ủy Ngân Sơn tổ chức Hội nghị nhằm củng cố một bước tổ chức Đảng ở cơ sở. Trong bối cảnh đó, tháng 12-1957, Chi bộ ghép Chí Kiên tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1958-1959. Đại hội tiến hành kiểm điểm công tác lãnh đạo nhiệm kỳ trước. Đại hội đề ra phương hướng trong giai đoạn tới là: Hoàn thành công tác sửa sai, lấy củng cố và hoàn thiện quan hệ xã hội chủ nghĩa là cơ sở để phát triển văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân. Đại hội bầu đồng chí Đinh Hữu Mộc giữ chức Bí thư.

Năm 1959, Chi bộ ghép Chí Kiên đã tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1959-1961. Đại hội đã xác định rõ ràng nhiệm vụ chính trong giai đoạn này là nỗ lực phát triển kinh tế - xã hội và quyết tâm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Đại hội bầu đồng chí Đinh Ngọc Sỹ giữ chức Bí thư Chi bộ kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Để công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa thật sự đi đúng hướng và đạt hiệu quả cao, tháng 4-1959, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 16 đã thông qua 2 nghị quyết quan trọng về: Hợp tác hóa nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh đối với các tỉnh miền Bắc. Quán triệt chủ trương của Trung ương và hướng dẫn của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Ngân Sơn, Chi bộ ghép Chí Kiên đã lãnh đạo chính quyền, các đoàn thể và nhân dân triển khai nhiều công tác liên quan đến củng cố tổ đổi công, vận động tiến tới thành lập thí điểm hợp tác xã nông nghiệp.

Tuy thời gian này xã chưa thành lập được hợp tác xã nhưng hầu hết nhân dân đều tham gia học tập nghiêm túc Nghị quyết của Đảng, sự giác ngộ giai cấp của quần chúng được nâng lên rõ rệt. Nhân dân phấn khởi, yên tâm tập trung sản xuất, tạo điều kiện cho nông nghiệp có bước chuyển mới, góp phần giải quyết những khó khăn trước mắt, ổn định đời sống.

Về nông nghiệp, Chi bộ, chính quyền xã huy động hàng nghìn ngày công đào đắp được hàng trăm mét khối mương máng, đảm bảo điều kiện tưới tiêu cho diện tích đồng ruộng vốn thường xuyên thiếu nước. Bên cạnh đó các biện pháp như cấy lúa thẳng hàng, bón nhiều phân

xanh, phân chuồng... bước đầu được áp dụng vào sản xuất. Trong chăn nuôi, địa phương cử cán bộ thú y tham gia lớp huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn do huyện mở, tổ chức tiêm phòng với vệ sinh chuồng trại nên hạn chế được tình trạng dịch bệnh lây lan.

Giai đoạn 1954-1960, các mặt văn hóa, y tế, giáo dục có những chuyển biến theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới giảm nhẹ tốn kém trong ma chay, cưới xin có chuyển biến nhất định. Đội văn nghệ các thôn bản sinh hoạt, luyện tập thường xuyên, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, động viên nhân dân hăng hái lao động sản xuất.

Về giáo dục, các thầy, cô giáo trong trường cấp I luôn nhiệt tình, tận tâm với nghề song số lượng có hạn, mức lương của giáo viên không đủ chi trả cho cuộc sống, nên công tác dạy và học tại các bản do nhân dân trả bằng thóc sau mỗi vụ thu hoạch. Ngoài ra, một số lớp bình dân học vụ vẫn được mở vào buổi tối để người dân tham gia học tập.

Ngoài việc tổ chức học tập, giáo dục ý thức nâng cao cảnh giác cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, lực lượng công an xã dựa vào dân để phát hiện và kịp thời giải quyết các vụ việc xảy ra trên địa bàn. Đặc biệt, từ năm 1959, tỉnh Bắc Kạn bắt đầu thực hiện tuyển quân theo Luật Nghĩa vụ quân sự, Chi bộ ghép Chí Kiên tổ chức cho nhân dân học tập, qua đó mọi người thấy rõ trách nhiệm và nghĩa vụ khi tham gia lực lượng vũ trang.

Về công tác xây dựng Đảng, từ năm 1954-1960, phần lớn các đảng viên đều tham gia các đợt sinh hoạt chính trị và kiểm tra theo tinh thần Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III. Trong các đợt học tập, hầu hết cán bộ, đảng viên đều thông suốt chủ trương, đường lối của Đảng, vận dụng linh hoạt vào hoàn cảnh địa phương. Qua đó bước đầu khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong Chi bộ.

Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng, cán bộ đảng viên và nhân dân xã Chí Kiên luôn đề cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu. Các đồng chí trong Ban Công an xã được tham dự các lớp huấn luyện ngắn ngày do Ty Công an tỉnh tổ chức. Tuy nhiên thời gian này, trên địa bàn huyện Ngân Sơn nói chung và xã Chí Kiên nói riêng tình hình an ninh trật tự thôn bản có nhiều diễn biến phức tạp, các tệ nạn cờ bạc, buôn bán, hút thuốc phiện còn xảy ra nhiều¹. Trong nhân dân có người còn đem gán ruộng, gán trâu để đánh bạc, thậm chí một số cán bộ, đảng viên cũng tham gia. Trước thực trạng đó, Ban Công an xã Chí Kiên đã phối hợp với Công an huyện tổ chức tuyên truyền, giải thích cho nhân dân hiểu về hệ quả của các tệ nạn xã hội đối với kinh tế, sức khỏe, vận động nhân dân tham gia tố giác các hành vi vi phạm pháp luật (đánh bạc, hút thuốc phiện...), qua đó để có biện pháp xử lý theo đúng quy định, nhờ đó, các tệ nạn xã hội đã giảm dần.

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Ngân Sơn tập II (1954-1975)*, tr.19.

Công tác đoàn thể được chú trọng. Các phong trào “ba tìm, ba quản”, “học tập tinh thần làm việc xã hội chủ nghĩa”... được các đoàn viên, thanh niên hưởng ứng. Thanh niên đã góp nhiều ngày công làm thủy lợi, làm phân xanh phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hoạt động của Hội Phụ nữ đi vào nền nếp, có nhiều đóng góp trong phong trào xây dựng tổ đổi công, phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật. Công tác củng cố, mở rộng Mặt trận Tổ quốc xã được thực hiện. Mặt trận đã cùng với các đoàn thể quần chúng tích cực tuyên truyền, giáo dục nhân dân ổn định tư tưởng, đoàn kết, thống nhất thực hiện và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Sau 7 năm khôi phục kinh tế sau chiến tranh, tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã đã Chí Kiên đã đoàn kết, đồng lòng vượt qua mọi khó khăn, thử thách, căn bản phục hồi sản xuất. Hoạt động của các ngành văn hóa, giáo dục, y tế có bước tiến bộ. Nếp sống mới lành mạnh dần hình thành và phát triển. Tuy vẫn còn những hạn chế nhất định trong cải cách ruộng đất, năng lực đội ngũ cán bộ còn yếu nhưng những thắng lợi đó là nền tảng quan trọng để nhân dân Chí Kiên tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tiếp tục xây dựng quê hương phát triển.

2. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được tổ chức tại Hà Nội. Đại hội chỉ rõ 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiến hành

cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thống nhất nước nhà, đồng thời cụ thể hóa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc bằng kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng ở địa phương, đầu năm 1961, Huyện ủy quyết định tách Chi bộ ghép Chí Kiên thành 3 Chi bộ độc lập là Chí Kiên, Công Bằng, Bằng Khẩu. Thời điểm tách, xã Chí Kiên có 4 đảng viên. Ngay sau đó, Chi bộ xã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1961-1963. Đại hội xác định: Quyết tâm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp; đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa - xã hội, nâng cao sự hiểu biết và từng bước cải thiện đời sống cho nhân dân. Đại hội bầu đồng chí Đinh Ngọc Sỹ giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Văn Thoòng Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Đầu năm 1963, Chi bộ Chí Kiên tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1963-1965. Đại hội tiếp tục hoàn thiện, phương án đẩy mạnh thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở địa phương. Đại hội bầu Chi ủy, đồng chí Đinh Ngọc Sỹ giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Văn Thoòng giữ chức Phó Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Sau các kỳ Đại hội, căn cứ vào chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và tình hình cụ thể của địa phương, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, nhân dân hăng hái thi đua thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh theo kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Đầu năm 1961, Hợp tác xã Bản Tặc được thành lập - đây là hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên. Ban Quản trị

hợp tác xã do đồng chí Đinh Văn Lạ giữ chức chủ nhiệm, đồng chí Đinh Văn Thọ làm Kế toán, đồng chí Chu Đình Thường làm Ủy viên. Đây là sự kiện quan trọng của địa phương, đánh dấu quá trình đưa người nông dân vào con đường làm ăn tập thể.

Thành công trong công tác vận động nhân dân xây dựng được mô hình hợp tác xã nông nghiệp tạo điều kiện thuận lợi để địa phương triển khai đồng loạt những biện pháp trong sản xuất nông nghiệp như: làm thủy lợi, đưa giống lúa và kỹ thuật mới vào sản xuất, làm phân chuồng và bắt đầu sử dụng phân bón hóa học... Từ thành công của Hợp tác xã Bản Tặc, Chi bộ xã Chí Kiên tiếp tục triển khai xây dựng thêm 5 hợp tác xã khác là: Hợp tác xã Bản Duối, Hợp tác xã Bản Đăm, Hợp tác xã Bản Chang, Hợp tác xã Quan Làng, Hợp tác xã Nưa Phja¹. Đến năm 1962, Hợp tác xã Bản Tặc và Hợp tác xã Bản Duối được sáp nhập thành Hợp tác xã Bản Tặc do đồng chí Chu Đình Thường giữ chức chủ nhiệm.

Tháng 2-1963, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật và xây dựng cơ sở vật chất trong các hợp tác xã nông nghiệp. Theo chỉ đạo của huyện, Chi ủy và chính quyền xã chỉ đạo các hợp tác xã tiến hành cải tiến quản lý vòng 1. Hợp tác xã tích cực đưa cán bộ đi dự các lớp huấn luyện, bồi dưỡng về công tác quản lý, về nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật do tỉnh, huyện tổ chức. Các xã viên đều

1. Chủ nhiệm Hợp tác xã Nưa Phja từ năm 1964-1968 là đồng chí Lương Văn Sán.

được học tập và cụ thể hóa các tiêu chuẩn kỹ thuật như thổ nhưỡng, thủy lợi, xây dựng cụ thể các phương án kỹ thuật liên hoàn từ nước, phân, cần, giống đến phòng trừ sâu bệnh. Qua cải tiến vòng 1, công tác quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý tài vụ, cải tiến nông cụ... có nhiều tiến bộ, góp phần nâng cao trình độ canh tác cho xã viên, cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã được bổ sung. Tại xã Chí Kiên, chỉ trong tháng 5-1962, các hợp tác xã đã làm được 13 loong chuyển phân và thành lập được 2 tổ công cụ. Đặc biệt, tại Hợp tác xã Bản Đăm, ông Nông Văn Lường đã chế tạo và đưa vào thử nghiệm thành công chiếc máy xay xát bột sắn đầu tiên của huyện¹. Để chế tạo thành công chiếc máy xay xát bột sắn, ông Lường gặp nhiều khó khăn như thiếu vốn (ông phải vay ngân hàng trên 80 đồng), phải sang tỉnh Cao Bằng để tìm mua nguyên liệu. Sau nhiều lần thử nghiệm, với sự kiên nhẫn và lòng quyết tâm, cuối cùng ông Lường đã sáng chế thành công chiếc máy xay từ củ tươi ra bột, giúp Hợp tác xã Bản Đăm cơ bản đáp ứng được bột sắn ăn và bắt đầu có sản phẩm bán ra thị trường bên ngoài.

Do làm tốt công tác tổ chức và vận động sản xuất, giai đoạn 1961-1965, hai hợp tác xã Quan Làng và Nưa Tát đã từng bước ổn định sản xuất. Năng suất lúa đạt 150-160 kg/bung. Tuy nhiên trong giai đoạn này các hợp tác xã còn tồn tại nhiều hạn chế, Huyện ủy chủ trương vận động phong trào làm phân nhưng đa số các hợp tác xã chưa phát động

1. Trích Báo cáo năm 1963 của Huyện ủy Ngân Sơn, số 14-BC/NS.

được, mới chỉ áp dụng các giống lúa địa phương vào gieo cấy, đặc biệt các hợp tác xã Bản Chang, Bản Dăm chưa xây dựng được kế hoạch cụ thể về thu hoạch lúa chín, dẫn đến tình trạng lúa mọc mầm tại ruộng, năng suất lúa thấp, đạt 150 kg/bung, mức ăn của xã viên chỉ đạt 8 kg/tháng. Do đó, bên cạnh cây lúa, Chi bộ chính quyền chỉ đạo các hợp tác xã triển khai mở rộng diện tích ngô, khoai, sắn và hoa màu để đảm bảo cho đời sống và hoạt động chăn nuôi của nhân dân. Đến tháng 2/1962, huyện giao chỉ tiêu thu mua thóc cho xã 8 tấn, kết quả xã hoàn thành vượt chỉ tiêu 200% bán cho Nhà nước tổng 15,8 tấn¹.

Trong 5 năm 1961-1965, chăn nuôi gia súc, gia cầm chủ yếu vẫn ở quy mô hộ gia đình. Thực hiện chủ trương của huyện, Chi bộ xã lãnh đạo nhân dân tích cực sửa chữa chuồng trại: có ván lát sàn, che chắn gió lạnh mùa đông, tích trữ rơm rạ cho trâu ăn trong những ngày giá rét. Bình quân mỗi hộ có 2-3 con trâu.

Bên cạnh trồng trọt, để phát triển kinh tế rừng. Chi bộ xã chủ trương tăng cường tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân nâng cao trách nhiệm bảo vệ rừng, ngăn chặn các hoạt động đốt nương làm rẫy. Vì vậy khu rừng trúc của xã được quản lý tốt, nạn đốt đồi cỏ gianh đã giảm nhiều so với những năm trước.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội, thực hiện lời dạy của Hồ chủ tịch “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích

1. Báo cáo số 03-BC/HU về tình hình lương thực với nhiệm vụ công tác lương thực căn cứ mức giao của huyện và phần đầu của xã, tr.1, Phòng lưu trữ Huyện ủy.

trăm năm thì phải trồng người”, chính quyền xã triển khai nhiều biện pháp, tạo điều kiện động viên con em trong độ tuổi cấp sách đến trường. Tinh thần thi đua học tập được đẩy lên qua phong trào “Tích cực thi đua dạy thật tốt, học thật tốt, đuổi kịp và vượt Bắc Lý”¹. Về y tế, thời gian này trên toàn huyện có tới 4.000 người mắc bệnh sốt rét, ho gà, bại liệt, kiết lỵ, cúm... Trước tình hình đó, tỉnh và huyện đã chỉ đạo cán bộ y tế xuống các xã tuyên truyền, giáo dục nhân dân phòng chống và dập tắt các dịch bệnh. Dưới sự chỉ đạo của cấp trên, tuy cơ sở vật chất còn khó khăn nhưng cán bộ y tế xã đã đẩy mạnh công tác phòng dịch, điều trị bệnh cho nhân dân. Trong 5 năm, các dịch bệnh đã cơ bản được thanh toán trên địa bàn xã.

Công tác đảm bảo an ninh - quốc phòng được Chi bộ xã coi trọng. Ngay từ năm 1961, Chi ủy, Ủy ban hành chính đã chỉ đạo xã đội tham gia đợt động viên của huyện và đã đạt kết quả tốt. Thông qua đó, trình độ mọi mặt của dân quân được nâng lên, ý thức sẵn sàng chiến đấu được củng cố, xã đã xây dựng được phương án phòng, chống gián điệp, biệt kích. Trong bối cảnh năm 1964, đế quốc Mỹ và tay sai đẩy mạnh cuộc “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam và ra sức tìm cách phá hoại miền Bắc. Ngoài các hình thức đưa máy bay do thám, ném bom bắn phá miền Bắc, Mỹ - ngụy còn phao tin đồn nhảm, gây chiến tranh tâm lý. Bắc Kạn là nơi máy bay địch nhiều lần bay qua. Đặc biệt tại xã Chí Kiên từ ngày 15-1 đến đêm 5-4-

1. Phong trào Tiếng trống Bắc Lý bắt đầu tại trường trung học cơ sở Bắc Lý (huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam) vào năm 1962.

1964, có 5 máy bay Mỹ đã 6 lần xâm phạm trong đó có hai lần thả truyền đơn¹. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, Huyện ủy đã xác định các địa bàn trọng yếu và chọn xã Chí Kiên là nơi xây dựng vùng xung yếu. Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, Ban Công an xã đã phối hợp với Công an huyện kịp thời phát hiện nắm chắc tình hình, tuyên truyền giáo dục nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng trong cán bộ và nhân dân, xử lý kịp thời những hành động chống phá của địch, không để nhân dân nghe và tin theo các tin đồn, luận điệu xuyên tạc của địch. Tại mỗi bản ở xã đều xây dựng được 1 cụm tác chiến phòng không. Trung bình mỗi cụm có từ 6-8 người, được trang bị đầy đủ vũ khí để chiến đấu như súng K44, CKC, đạn... Tại đây, chính quyền xã cho xây dựng các lán, hầm hào để đảm bảo an toàn cho lực lượng trực chiến. Những phương án tác chiến chống máy bay địch đánh phá, công tác phòng không nhân dân được xã chuẩn bị chu đáo.

Công tác xây dựng Đảng luôn được coi trọng. Thông qua các phong trào quần chúng, nhiều thanh niên tích cực, có phẩm chất đạo đức cách mạng được giới thiệu tham gia các lớp cảm tình Đảng. Tuy nhiên, trong giai đoạn 1961-1965, công tác phát triển đảng viên gặp nhiều khó khăn, một số đối tượng được giới thiệu đi học lớp bồi dưỡng về Đảng nhưng chưa hoàn thành đủ các yêu cầu để kết nạp vào Đảng. Trong 5 năm, Chi bộ chỉ giới thiệu kết nạp được 4 đảng viên là đồng chí Đinh Văn Lạ, Đinh Văn

1. Báo cáo sơ bộ đánh giá tình hình công tác năm 1964, số 07-BC/HU, ngày 20-12-1964.

Lưu, Lương Văn Sung, Lương Văn Sàn, tổng số đảng viên của Chi bộ có 8 đồng chí.

Mặt trận Tổ quốc xã động viên nhân dân xây dựng khối đại đoàn kết, hăng hái tham gia lập thành tích trong sản xuất. Đặc biệt, Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ xã luôn là lực lượng nòng cốt trong lĩnh vực sản xuất, đăng ký “Xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất”.

Theo Quyết định số 150-NV ngày 12-5-1964 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ “Về việc sửa đổi tên một số xã của tỉnh Bắc Kạn”, xã Chí Kiên đổi tên thành xã Đức Vân. Theo đó, Chi bộ xã Chí Kiên cũng được đổi tên thành Chi bộ Đức Vân.

Trong lúc cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Bắc nói chung và xã Đức Vân nói riêng ra sức phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, từ cuối năm 1964, đế quốc Mỹ triển khai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc. Quán triệt tinh thần chủ trương về công tác phòng không và sẵn sàng chiến đấu của cấp ủy Đảng cấp trên, Chi bộ xã Đức Vân nhanh chóng chỉ đạo nhân dân chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến.

II. VỪA SẢN XUẤT VỪA SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO CÁCH MẠNG MIỀN NAM, HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965-1975)

1. Góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, tích cực chi viện cho miền Nam (1965-1968)

Sau “Sự kiện vịnh Bắc Bộ” (ngày 5-8-1964), Mỹ chính thức thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc

lần thứ nhất bằng lực lượng không quân và hải quân. Không chỉ tập trung bắn phá ở các thành phố lớn, Mỹ còn mở rộng địa bàn ném bom ra nhiều tỉnh thành khác. Tháng 3-1965, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (khóa III) chỉ rõ: nhiệm vụ cấp bách của cách mạng miền Bắc là kịp thời chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế từ thời bình sang thời chiến và tăng cường quốc phòng, tích cực chi viện cho miền Nam.

Trước những diễn biến phức tạp của cuộc chiến tranh, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái¹, Huyện ủy Ngân Sơn, Chi bộ xã Đức Vân đã nhanh chóng triển khai các đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa III) trong toàn Chi bộ và phổ biến sâu rộng trong nhân dân địa phương nhằm quán triệt những nhiệm vụ cách mạng mà Đảng ta đã vạch ra, đồng thời khẳng định quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất cứ tình huống nào. Nhờ đó, ý thức phòng không nhân dân được tăng cường thêm một bước, trở thành “nếp sống sinh hoạt thời chiến của toàn dân”.

Đầu năm 1966, Chi bộ Đức Vân tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1966-1968. Đại hội đề ra nhiều nhiệm vụ về kinh tế - xã hội và quốc phòng nhằm củng cố hậu phương vững mạnh về mọi mặt, sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến. Đại hội bầu đồng chí Đinh Ngọc Sỹ giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Văn Thòong giữ

1. Ngày 1-7-1965, theo Quyết định của Quốc hội, hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái.

chức Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã), đồng chí Đinh Văn Lạ làm Chi ủy viên.

Sau Đại hội, Chi bộ xã lãnh đạo công tác chuẩn bị chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Công tác phòng không nhân dân được thực hiện tích cực, khẩn trương. Ban Phòng không xã được thành lập, có nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo công tác phòng chống máy bay địch ở địa phương. Cùng với đó, xã thực hiện công tác sơ tán người già, trẻ em và di chuyển các tài sản có giá trị như trâu bò, thóc gạo... của nhân dân đến nơi an toàn. Đồng thời, vận động nhân dân đào hầm trú ẩn, phòng tránh bom đạn địch. Ở những nơi công cộng như trường học và trụ sở Ủy ban xã, chính quyền giao chỉ tiêu đào hầm cụ thể cho lực lượng dân quân. Trên các trục đường chính như ven đường Quốc lộ 3, cứ cách 100m thì có 1 hố cá nhân rộng 1,5m, sâu 2m.

Nhân dân trong toàn xã nâng cao cảnh giác, đề phòng máy bay địch bắn phá bất cứ lúc nào, trong khi đi làm, đi học hay ra ngoài đường... mọi người đều phải mặc quần áo tối màu để tránh “lộ mục tiêu”, “trang bị mũ, áo ngụy trang” bằng vải dù hoặc lá cây để sử dụng lúc cần thiết. Học sinh đi học đội mũ rơm, mang túi thuốc, bông băng cá nhân, được nhà trường tổ chức tập luyện trú ẩn phòng khi có máy bay đến đánh phá.

Tính đến ngày 30-4-1968, toàn xã Đức Vân có tổng 138 hộ. Để ổn định sản xuất, củng cố lương thực thực phẩm phục vụ đời sống nhân dân và trong chiến đấu, vai trò của hợp tác xã ngày càng được coi trọng. Dưới sự chỉ

đạo của Huyện ủy, Chi bộ xã lãnh đạo tiến hành cải tiến quản lý vòng hai. Cán bộ chủ chốt trong các hợp tác xã được cử đi học, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý và kỹ thuật. Ban Quản lý các hợp tác xã lập kế hoạch quản lý và phân phối lao động xếp bậc công việc, định tiêu chuẩn tính công. Phong trào hợp tác hóa tại địa phương phát triển vững chắc hơn, các hợp tác xã Bản Tặc, Bản Chang¹ đã trở thành điển hình của huyện.

Trong những năm 1965-1968, sau khi ổn định tổ chức và quy mô, Ban Quản trị các hợp tác xã tổ chức cho nhân dân học tập 6 nội dung và 5 yêu cầu trong công tác quản lý, đồng thời đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất với khẩu hiệu “sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi”. Phong trào làm phân, ủ phân, chuyển phân ra đồng được đẩy mạnh so với các năm trước, việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật, cấy dày theo khoảng cách 20x20cm, cấy căng dây thẳng hàng, cấy ngửa tay được chú ý.

Công tác thủy lợi, ngoài việc tu sửa hệ thống mương, phai, cọn nước đã có từ trước, xã còn huy động nhân công làm thêm một số công trình mới, từ năm 1966 xã xây dựng được 1 số con mương mới vào loại vừa và tương đối kiên cố, góp phần cung cấp nước tưới cho một số diện tích lúa.

Do làm tốt công tác quản lý hợp tác xã, thâm canh tăng năng suất, đưa kỹ thuật vào đồng ruộng, kết hợp với thủy lợi nội đồng nên từ năm 1965-1968, sản xuất nông nghiệp của địa phương đạt được kết quả: tăng 1,2% về

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử Đảng bộ huyện Ngân Sơn tập II (1954-1975)*, Tr.82.

diện tích và 1,5% về sản lượng, đưa bình quân lương thực đạt 16-18 kg/người/tháng. Sau khi phân chia cho xã viên theo công điểm, xã Đức Vân mỗi năm làm nghĩa vụ cho Nhà nước từ 27-30 tấn lương thực.

Về chăn nuôi, xã chủ trương lấy mô hình chăn nuôi gia đình là chính, đồng thời tổ chức theo phương thức tập thể. Tuy nhiên trong thời gian này, việc chăm sóc trâu, bò, xây dựng hệ thống chuồng trại còn yếu, ảnh hưởng đến việc tăng trưởng đàn gia súc. Đặc biệt đầu năm 1968, một trận mưa tuyết xảy ra trong vòng 2 tiếng đồng hồ đã làm chết hàng trăm con trâu, bò và gia cầm, ảnh hưởng đến cung cấp sức kéo trong nông nghiệp, gây thiệt hại lớn cho địa phương.

Công tác văn hóa, giáo dục, y tế trong giai đoạn 1965-1968 có những bước chuyển biến mới. Tuy trong điều kiện có chiến tranh phá hoại nhưng những yêu cầu về sinh hoạt văn hóa tinh thần của cán bộ và nhân dân vẫn được đảm bảo. Các đội văn nghệ xung kích được duy trì và tổ chức biểu diễn trong tất cả các bản, động viên nhân dân lao động sản xuất, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân. Bên cạnh đó, công tác văn hóa thông tin góp phần giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao tinh thần yêu nước, xây dựng ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Công tác giáo dục ở Đức Vân gặp rất nhiều khó khăn do cơ sở vật chất lớp học thiếu thốn chủ yếu được lợp bằng tranh tre nứa lá, các điểm trường bị phân tán. Nhưng thầy và trò xã Đức Vân đã vượt lên mọi khó khăn về cơ sở vật chất, học tập trường phổ thông cấp II Bắc Lý (Lý

Nhân, Hà Nam) đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt”¹, theo lời dạy của Bác Hồ. Kết quả, xã Đức Vân có 90% số học sinh vẫn ngày ngày đến lớp, đóng góp vào sự ổn định và củng cố ngành giáo dục phổ thông huyện Ngân Sơn.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng được cải thiện. Dưới sự chỉ đạo của cán bộ y tế huyện, cán bộ y tế xã Đức Vân đã giúp nhân dân cách phòng và chữa một số bệnh thông thường, vận động ăn chín uống sôi, nằm màn chống muỗi. Phong trào “ba dứt điểm”² được địa phương phát động rộng rãi, tuy nhiên do đời sống nhân dân còn khó khăn nên kết quả đạt còn thấp.

Mặc dù luôn phải sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương, nhưng xã Đức Vân vẫn làm tốt công tác tuyến quân, thể hiện truyền thống cách mạng của địa phương. Hưởng ứng lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 17-7-1966: *“Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!”*. Khí thế tòng quân đánh giặc của thanh niên càng thêm sôi nổi. Nhiều tấm gương thanh niên chưa đủ tuổi vẫn tình nguyện nhập ngũ.

Về công tác xây dựng Đảng, cuộc vận động xây dựng chi bộ “Bốn tốt”, đảng viên “Bốn tốt” được đẩy mạnh. Quần chúng tham gia phê bình đảng viên và đề xuất các ý

1. Thi đua dạy tốt, học tốt.

2. Xây dựng 3 công trình vệ sinh là: Nhà tiêu, nhà tắm và giếng nước.

kiến đối với sự lãnh đạo của Chi bộ. Đảng viên tiên hành tự phê bình và phê bình. Nếu giai đoạn trước (1961-1965) Huyện ủy đánh giá Chi bộ còn nhiều yếu kém thì sang đến giai đoạn 1965-1968, qua việc nghiêm túc phát hiện và sửa sai, những hạn chế của cán bộ và đảng viên được khắc phục, điển hình như việc Chi bộ xã Đức Vân được Huyện ủy công nhận là Chi bộ có đảng viên “Bốn tốt”¹. Công tác phát triển Đảng của Chi bộ gặp nhiều khó khăn: nếu như năm 1965 Chi bộ kết nạp thêm được 3 đảng viên mới thì từ năm 1966-1968, không kết nạp thêm được ai. Tính đến tháng 12-1968, Chi bộ xã Đức Vân có tổng số 19 đảng viên².

Mặt trận Tổ quốc xã động viên các đoàn thể thành viên tham gia các phong trào trong sản xuất, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Hưởng ứng phong trào “Ba sẵn sàng” do Trung ương Đoàn phát động, đoàn viên, thanh niên Đức Vân xung phong nhận những công việc, nhiệm vụ khó khăn, tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất. Đoàn xã còn phát động phong trào thanh niên đăng ký tình nguyện xung phong đi bộ đội. Phụ nữ thực hiện phong trào “Ba đảm đang”, phát huy nhiệt tình cách mạng, khắc phục mọi khó khăn, đảm nhận mọi việc để chồng con yên tâm lên đường chiến đấu. Các cụ bộ lão cũng hăng hái thi đua với con cháu trong các phong trào “Ba hăng hái”, “Bạch đầu quân”. Ngoài ra, các cụ còn tham gia trồng

1. Trích Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và tổ chức cán bộ năm 1966 của huyện, Số 03-BC/HU, ngày 28-12-1966.

2. Theo *Sổ đảng viên (1966-1968)*, Ban Tổ chức Huyện ủy Ngân Sơn.

cây ăn quả, cây lấy gỗ, cây bóng mát, góp phần xây dựng chuồng trại chăn nuôi, trường học, nhà kho...

Càng leo thang chiến tranh, đế quốc Mỹ càng gặp phải nhiều thất bại nặng nề, quân và dân ta ở cả hai miền Nam Bắc tiếp tục giành nhiều thắng lợi lớn. Tháng 11-1968, đế quốc Mỹ buộc phải ngừng ném bom bắn phá toàn miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán 4 bên ở Pa-ri. Tranh thủ thời gian không có chiến tranh, Chi bộ và nhân dân xã Đức Vân tập trung phát triển sản xuất, tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam.

2. Sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần hai; đồng thời chi viện sức người sức của cho tiền tuyến, góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, thống nhất nước nhà (1969-1975)

Ngày 3-11-1968, hai ngày sau khi Tổng thống Mỹ tuyên bố chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước anh dũng tiến lên đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược. Người nhấn mạnh: “Quân và dân miền Bắc quyết ra sức thi đua yêu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm tròn nghĩa vụ của mình đối với đồng bào miền Nam ruột thịt, luôn luôn nâng cao cảnh giác, tự lực cánh sinh, tăng cường lực lượng, sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi âm mưu của địch”.

Trong những năm 1969-1971, Chi bộ Đảng xã Đức Vân tổ chức hai kì Đại hội: nhiệm kỳ 1969-1970 và nhiệm kỳ 1970-1971. Nghị quyết các kì Đại hội đều tập trung

chỉ rõ: Không ngừng củng cố quan hệ sản xuất mới, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, xây dựng hậu phương vững mạnh, làm tròn nhiệm vụ chi viện cho tiền tuyến, củng cố lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu nếu đế quốc Mỹ quay trở lại đánh phá.

Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1969-1970 bầu đồng chí Đinh Văn Thọ giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Lương Văn Sán giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã..

Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1970-1971 bầu đồng chí Đinh Văn Thọ giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Lương Văn Sán giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Sau các kỳ Đại hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân tranh thủ thời gian hòa bình, tích cực đẩy mạnh sản xuất. Để đáp ứng quy mô sản xuất lớn trong nông nghiệp, năm 1969 các hợp tác xã Đức Vân tiến hành hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành 3 hợp tác xã lớn: Hợp tác xã Cờ Hồng (từ hợp tác xã Bản Chang và Bản Dăm), Hợp tác xã Quan Làng (hợp từ Hợp tác xã Nưa Phja và Hợp tác xã Quan Làng) và Hợp tác xã Bản Tặc¹.

Trong 2 năm 1969-1970, sản xuất nông nghiệp gặp không ít trở ngại, một phần là do lực lượng thanh niên tòng quân vào Nam hoặc tham gia thanh niên xung phong nên thiếu lao động trẻ khỏe trên đồng ruộng, phần khác là do ảnh hưởng của thời tiết, cũng như kỹ thuật canh tác và chăm sóc cây trồng. Để khắc phục những khó khăn trên,

1. Chủ nhiệm hợp tác xã Bản Tặc là đồng chí Đinh Văn Lạ.

nhiều phong trào thi đua được phát động như: “Hè thu chống Mỹ cứu nước” (vụ mùa năm 1969), “Thi đua sản xuất lập công dâng Đảng” (vụ đông xuân 1969-1970). Các khẩu hiệu “Ngày làm thêm giờ, giờ làm thêm việc”, “Làm ngày chưa đủ, tranh thủ làm đêm”... được đẩy lên sôi nổi.

Trong lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đang trên đà thắng lợi thì một tổn thất lớn đến với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta: Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc qua đời. Trong nỗi đau thương vô hạn, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã đã tổ chức trọng thể lễ truy điệu và để tang Người.

Biến đau thương thành hành động cách mạng, Chi bộ xã tiến hành đợt sinh hoạt chính trị đặc biệt: “Quyết tâm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, ra sức xây dựng Đảng và phát triển kinh tế địa phương vững mạnh, góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”. Cán bộ và nhân dân đoàn kết chặt chẽ, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, phân đấu hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Để thúc đẩy sản xuất phát triển, Đức Vân tiến hành củng cố hợp tác xã nông nghiệp. Hợp tác xã tổ chức mở các lớp học tập Điều lệ hợp tác xã bậc cao, nhằm nâng cao ý thức làm chủ tập thể của xã viên và trình độ quản lý của đội ngũ Ban Quản trị hợp tác xã. Việc phân bổ sử dụng lao động hợp lý hơn. Các đội chuyên về thủy lợi, làm phân, chăn nuôi, trồng trọt được chia thành các nhóm nhỏ và khoán việc nên hoạt động có hiệu quả. Đến cuối năm

1971, toàn xã đã có trên 95% hộ nông dân tham gia vào hợp tác xã. Bước vào vụ xuân năm 1972, do làm tốt công tác thủy lợi, cày bừa gieo mạ sớm nên đến cuối tháng 2, các hợp tác xã đã cấy hết diện tích. Sau khi làm xong nghĩa vụ với Nhà nước, bình quân mỗi xã viên được chia 16 kg thóc/ tháng.

Hợp tác xã tín dụng thời gian này được thành lập, thường xuyên tạo điều kiện cho các hộ dân vay vốn phát triển chăn nuôi, làm kinh tế gia đình. Hằng tháng, cán bộ hợp tác xã đều xuống từng đội sản xuất, từng hộ xã viên vận động gửi tiền tiết kiệm. Hợp tác xã mua bán mở rộng mạng lưới giao thương, trao đổi hàng hóa, cung cấp và phân phối nhiều mặt hàng thiết yếu cho nhân dân.

Ngày 6-4-1972, Tổng thống Mỹ Ních-xon tuyên bố ném bom trở lại miền Bắc. Với tinh thần chủ động, Chi bộ Đảng và chính quyền xã Đức Vân nhanh chóng chỉ đạo công tác phòng không nhân dân và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Hầm, hào được tu sửa, đào mới. Nhà cửa, trụ sở Ủy ban... được nguy trang. Hợp tác xã tổ chức phân bổ lao động, đảm bảo vừa có người đi chiến đấu, vừa có người tham gia sản xuất.

Cuộc tập kích chiến lược B52 cuối năm 1972 thất bại thảm hại buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pa-ri chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Song với bản chất ngoan cố, Mỹ vẫn tiếp tay cho chính quyền Sài Gòn tiếp tục âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Trước những biến chuyển của cách mạng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21, ra Nghị quyết

chỉ rõ nhiệm vụ của miền Bắc là: “Ra sức khôi phục và phát triển nền kinh tế quốc dân”, “tiếp tục làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn đối với cách mạng miền Nam”.

Tháng 11-1972, Đại hội Chi bộ xã Đức Vân nhiệm kỳ 1972-1973, được tiến hành. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới với trọng tâm là tranh thủ điều kiện hòa bình, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tiếp tục là hậu phương vững chắc cho miền Nam ruột thịt. Đại hội bầu Chi ủy gồm đồng chí Đinh Văn Thọ giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Lương Văn Sán được bầu giữ chức Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, đồng chí Đinh Văn Lạ - Chi ủy viên

Nhằm quán triệt chủ trương của Đảng, Chi bộ xã Đức Vân tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1973-1975, Đại hội bầu Chi ủy gồm đồng chí Đinh Văn Thọ¹ giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Đinh Văn Lạ giữ chức Phó Bí thư, các đồng chí Nông Văn Thoòng, Nông Văn Slam, Triệu Thị Lám làm Chi ủy viên.

Để có nguồn lực chi viện cho tiền tuyến, chính quyền xã Đức Vân đẩy mạnh phát triển kinh tế trên các lĩnh vực. Vụ xuân năm 1973, thời tiết không thuận lợi, rét đậm kéo dài, làm cho nhiều diện tích mạ, cùng với đàn trâu, bò bị chết rét, gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất. Trước tình hình đó, Chi bộ đã chỉ đạo chính quyền và các đoàn thể quan tâm, giúp đỡ nhân dân, tiến hành hỗ trợ nông cụ sản xuất và thóc gạo cứu đói cho các gia đình bị thiệt hại để khắc

1. Tháng 4/1974 đồng chí Lương Văn Sán thay đồng chí Đinh Văn Thọ giữ chức Bí thư Chi bộ.

phục khó khăn, ổn định đời sống. Cùng với đó, hợp tác xã đẩy mạnh đưa các giống lúa mới như Trân Châu lùn, Nông Nghiệp 8 vào gieo trồng. Phong trào làm bèo hoa dâu, lấy bùn ủ khô... được phát triển rộng rãi. Đặc biệt Chi ủy tập trung lãnh đạo khôi phục hai hợp tác xã Quan Làng, Nura Phia, củng cố 2 hợp tác xã Bản Chang, Bản Dăm. Do vậy, đến năm 1975 xã có năng suất lúa bình quân đạt 17-19 tạ/ha. Bên cạnh đó, các hợp tác xã còn tiến hành làm đất trồng cây thuốc lá.

Việc chăn nuôi trâu, bò lấy sức kéo phục vụ cho nông nghiệp được đẩy mạnh. Xã còn tập trung phát triển đàn lợn, đàn gà vịt tại các hộ gia đình nhằm đảm bảo lượng thực phẩm phục vụ cho nhân dân địa phương và thực hiện nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước. Tuy nhiên, do thời gian này thời tiết rét đậm, rét hại kéo dài, nhiều đợt dịch bệnh xảy ra, công tác thú y lại chưa phát triển khiến nhiều gia súc, gia cầm bị chết. Năm 1975, đàn trâu có 365 con, đàn gia cầm có trên 1.000 con.

Căn cứ vào Chỉ thị số 39-CT/TU của Tỉnh ủy Bắc Thái, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Ngân Sơn, Chi bộ và chính quyền xã đã có nhiều chủ trương, biện pháp bảo vệ rừng. Ngành lâm nghiệp một mặt tích cực tuyên truyền pháp lệnh bảo vệ rừng, mặt khác đẩy mạnh công tác tu bổ, khai thác rừng có kế hoạch. Mặc dù vậy, do nhân dân còn chưa ý thức được hậu quả từ việc đốt, phá rừng nên hiện tượng phá rừng vẫn xảy ra ở một số nơi.

Hoạt động giáo dục tập trung đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt”, tăng cường chất lượng đội ngũ giáo viên và chất lượng học tập, rèn luyện của học sinh. Năm

học 1973-1974, tỷ lệ học sinh cấp I lên lớp đạt 77%, cấp II đạt 68%. Bên cạnh đó, hoạt động y tế xã trong những năm 1973-1975, đã đạt kết quả khả quan: công tác phòng bệnh được tăng cường, bảo đảm điều trị bệnh phục vụ cho nhân dân kịp thời.

Từ thời chiến chuyển sang thời bình, lực lượng công an và dân quân xã được học tập chính trị để thông suốt chủ trương của cấp trên đề ra trong hoàn cảnh mới. Trong giai đoạn (1969-1975), mỗi năm Đức Vân có từ 2-3 thanh niên lên đường nhập ngũ.

Trong công tác xây dựng Đảng, thực hiện 3 cuộc vận động lớn của Bộ Chính trị, Chi bộ Đảng xã Đức Vân đề ra kế hoạch, biện pháp rèn luyện, nâng cao năng lực nhận thức, tư duy, phẩm chất đạo đức cách mạng cho đảng viên trên các lĩnh vực công tác, lao động và phục vụ chiến đấu. Qua các đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng cán bộ, đảng viên có sự chuyển biến rõ rệt về “4 nghĩa vụ”¹, “5 dứt điểm”², khối đoàn kết gắn bó trong nội bộ Đảng và giữa Đảng với nhân dân được củng cố. Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Đảng ta phát động đợt sinh hoạt chính trị lớn và xét kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh. Tuy nhiên thời gian này Chi bộ xã không kết nạp được đảng viên nào do nguồn đi học lớp bồi dưỡng

1. Nghĩa vụ học tập, nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước.

2. Dứt điểm về công nợ nhập hàng, chấm dứt móc ngoặc, mua bán sai chính sách, chấm dứt lấn chiếm đất hợp tác xã, chấm dứt chèn chèn không chính đáng, chấm dứt tham ô và để quỹ đen tiêu riêng.

về Đảng còn hạn chế, một số quần chúng ưu tú được cử đi học lớp tìm hiểu về Đảng nhưng vẫn chưa đủ điều kiện để kết nạp. Đứng trước những khó khăn, thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/HU ngày 27-7-1975 của Huyện ủy Ngân Sơn về thành lập các tổ tăng cường tại các xã. Thời gian này xã được huyện tăng cường tổ công tác gồm các đồng chí: Nguyễn Hải Tiến - Trưởng phòng quản lý bảo vệ Chi cục Kiểm lâm tỉnh (làm Tổ trưởng); Triệu Công Chứ - Trưởng Phòng văn hóa thông tin huyện (làm Tổ phó); Đinh Bá Tuân - Cán bộ nhà máy thuốc lá Thăng Long (làm Tổ viên); Phạm Đình Liễu - Cán bộ Công ty trung chuyển lương thực Trung ương (làm Tổ viên); Nguyễn Văn Năm - Cán bộ Ty Lao động Bắc Thái (làm Tổ viên). Tổ công tác có nhiệm vụ cùng với tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng xã chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên để xây dựng phong trào của Chi bộ Đảng xã ngày một ổn định, phát triển. Tham gia tích cực vào việc củng cố xây dựng hợp tác xã; Phát hiện, khắc phục các mặt yếu của phong trào địa phương và các tổ chức đoàn thể, đưa các hoạt động vào nề nếp, đúng quỹ đạo. Xây dựng bồi dưỡng tạo ra được đội ngũ cán bộ cốt cán, từng bước trưởng thành đủ sức đảm nhiệm lãnh đạo phong trào của địa phương.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, chính quyền thường xuyên được củng cố và kiện toàn. Các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp đều có trên 90% cử tri tham gia bỏ phiếu. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đều đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước.

Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân... tiến hành nhiều hoạt động thiết thực, giúp đỡ các gia đình chính sách như làm nhà cửa, đóng bàn ghế...

Trên chiến trường miền Nam, cách mạng chuyển biến mau lẹ. Ngày 30-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, thành phố Sài Gòn và miền Nam hoàn toàn giải phóng, sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta kết thúc vẻ vang. Niềm vui đất nước thống nhất đã tràn ngập khắp các bản và từng gia đình trên địa bàn xã.

Chặng đường 21 năm (1954-1975) vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa sẵn sàng chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, Chi bộ và nhân dân xã đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh và đạt được những kết quả có ý nghĩa quan trọng. Từ năm 1954-1964 xã Chí Kiên (từ năm 1964 là xã Đức Vân) thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh; bước đầu xác lập quan hệ sản xuất mới bằng việc xây dựng các tổ đổi công. Từ năm 1961-1965, địa phương đẩy quan hệ sản xuất mới phát triển thêm một bước thông qua việc thành lập được các hợp tác xã nông nghiệp cấp thấp, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, cùng với miền Bắc vừa tiến hành sản xuất, chi viện cho miền Nam, vừa chiến đấu chống lại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Trong quãng thời gian gian khổ nhưng hào hùng đó, Chi bộ, chính quyền xã Đức Vân luôn nêu cao tinh thần nỗ lực, vượt qua khó khăn để lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ quê hương, hoàn thành nghĩa vụ hậu phương với tinh thần “Tất cả vì tiền tuyến, tất cả để thắng giặc Mỹ

xâm lược”, góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Sau ngày 30-4-1975, đất nước thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Đức Vân cùng nhân dân cả nước bước vào thời kỳ mới: xây dựng và bảo vệ quê hương, tiến lên con đường chủ nghĩa xã hội.

Chương IV

ĐỨC VÂN PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI, GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (1976-1995)

I. MƯỜI NĂM CÙNG CẢ NƯỚC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1976-1985)

1. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980)

Đại thắng mùa xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đây cả nước thống nhất và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, Chi bộ và nhân dân xã có những thuận lợi cơ bản: đất nước hòa bình sau nhiều năm gian khổ chiến tranh kéo dài. Qua thời kỳ khôi phục và cải tạo trong nông nghiệp, kết cấu hạ tầng và một số công trình phúc lợi phục vụ các hoạt động kinh tế - xã hội từng bước được đầu tư xây dựng. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo được rèn luyện trong thực tiễn và ngày một trưởng thành.

Bên cạnh những thuận lợi, Chi bộ và nhân dân xã Đức Vân gặp một số khó khăn, phức tạp mới. Cơ chế quản lý tập trung, bao cấp ngày càng bộc lộ những hạn chế. Đội ngũ cán bộ có một bộ phận nhỏ chưa nhiệt tình và năng lực chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng giai đoạn mới. Thực tế đòi hỏi Chi bộ xã phải tích cực đổi mới, vươn lên để hoàn thành những nhiệm vụ chính của địa phương.

Giữa năm 1975, Chi bộ Đức Vân tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1975-1977. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1973-1975. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm kỳ mới là: Tập trung phát triển kinh tế, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với củng cố lực lượng vũ trang; tăng cường công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể. Đại hội nhiệm kỳ 1975-1978 bầu Chi ủy khóa mới gồm đồng chí Doanh Thăng Hiệp được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Đình Văn Lạ giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, đồng chí Hoàng Kim Nè làm Chi ủy viên.

Xác định nông nghiệp là mặt trận chính trong phát triển kinh tế, Chi ủy lãnh đạo các hợp tác xã tiến hành thực hiện nhiều biện pháp kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất. Hợp tác xã chỉ đạo xã viên khẩn trương thu chiêm để kịp vụ làm mùa, tận dụng và khai thác tối đa diện tích đất đai, không để xảy ra tình trạng đất bỏ hoang, đồng thời mở rộng diện tích làm cây vụ đông. Nhờ vậy, vụ mùa năm 1976, năng suất lúa tăng đạt 20-21 tạ/ha.

Tháng 12-1976, Đảng Lao động Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội tổng kết sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, đồng thời đề ra đường lối chung cho thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và những mục tiêu cụ thể của kế hoạch 5 năm 1976-1980 nhằm xây dựng một bước cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân lao động.

Dưới sự hướng dẫn của Phòng Nông nghiệp huyện, cán bộ, xã viên hợp tác xã tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp. Hợp tác xã đã tiến hành nghiệm cứu đặc điểm thổ nhưỡng của từng chân ruộng để xác định giống lúa chủ đạo cho từng vụ, cơ cấu lúa với màu, thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp thâm canh. Trên cơ sở đó, những giống lúa thích nghi với khí hậu, thổ nhưỡng trên địa bàn, cho năng suất cao dần trở thành giống lúa chính trong các mùa vụ tiếp theo.

Bên cạnh những kết quả đạt được các hợp tác xã ở Đức Vân bộc lộ những mặt hạn chế: việc phân phối bằng hiện vật thông qua thước đo bằng công điểm đã tách người lao động ra khỏi sản phẩm cuối cùng và làm nảy sinh một số tiêu cực như hiện tượng rong công, phóng điểm khá phổ biến. Hợp tác xã điều hành mọi khâu trong khi phương tiện, điều kiện quản lý chưa phù hợp với quy mô dẫn đến tình trạng trì trệ trong sản xuất.

Trong bối cảnh đó, ngày 30-5-1978, Chi bộ xã Đức Vân tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1978-1980. Nghị quyết của Đại

hội tập trung đề ra nhiều biện pháp nhằm khắc phục những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, tập trung cải tiến các hợp tác xã nông nghiệp để đảm bảo đời sống nhân dân; đồng thời tăng cường đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Đại hội bầu Chi ủy nhiệm kỳ mới. Đến ngày 7-6-1978, Huyện ủy Ngân Sơn ra Nghị quyết số 21-NQ/HU công nhận Chi ủy xã Đức Vân gồm 3 đồng chí: Doanh Thăng Hiệp - Bí thư Chi bộ phụ trách tổ chức, kiểm tra; đồng chí Chu Đình Thường - Phó Bí thư phụ trách tuyên huấn; đồng chí Hoàng Kim Nè - Chi ủy viên phụ trách tài chính Đảng và tổ chức đoàn thể¹. Ngoài ra, đồng chí Đinh Văn Lạ giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Trước khi bước vào triển khai Nghị quyết Đại hội, Chi ủy tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao tinh thần làm chủ hợp tác xã cho cán bộ, xã viên. Đồng thời, thực hiện Chỉ thị số 208-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và cải tiến một bước quản lý nông nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”. Năm 1979, các hợp tác xã được hợp nhất thành Hợp tác xã Đức Vân. Ngay sau đó, Đại hội xã viên được tổ chức, đề ra phương hướng nhiệm vụ trước mắt và bầu ra Ban Quản trị hợp tác xã do đồng chí Triệu Công Chứ - Trưởng Ban Văn hóa Thông tin huyện được cử trực tiếp về giữ chức Chủ nhiệm hợp tác xã.

1. Nghị quyết số 21-NQ/HU ngày 7-6-1978 công nhận Chi ủy xã Đức Vân, Lưu phòng Lưu trữ Huyện ủy Ngân Sơn.

Sau khi ổn định tổ chức, Ban Quản trị hợp tác xã tổ chức cho nhân dân học tập 6 nội dung và 5 yêu cầu trong công tác quản lý, xây dựng các tổ đội sản xuất và đội chuyên môn. Hợp tác xã tiếp tục áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào cải tiến nông cụ, mở rộng diện tích. Diện tích đất 5% được hợp tác xã chia cho xã viên, bình quân 100m²/ khẩu chủ yếu được bà con trồng lúa 2 vụ để tăng thu nhập cho gia đình, nhất là đối tượng có hoàn cảnh khó khăn hoặc thiếu lao động chính. Năm 1980, bình quân lương thực đầu người đạt 18 kg thóc/ tháng.

Về chăn nuôi, hợp tác xã tiến hành quy hoạch lại hệ thống chuồng trại cũ, đồng thời xây dựng một số cơ sở vật chất dựa trên nguồn vốn của hợp tác xã. Đàn trâu, bò được chăm sóc tốt hơn để đảm bảo sức kéo. Ngoài ra, nhân dân còn phát triển nuôi vịt, gà và thả cá. Tính đến năm 1980, đàn trâu đạt 385 con, đàn bò đạt 73 con, đàn gia cầm đạt trên 1.000 con.

Lĩnh vực văn hóa có bước phát triển khá. Chi bộ xã chú trọng phát triển văn hóa, y tế, giáo dục nhằm đảm bảo sức khỏe, nâng cao dân trí và đời sống tinh thần cho người dân. Cơ sở vật chất của nhà trường được cải thiện đáng kể. Hệ thống bàn ghế, bảng viết được bổ sung, sửa chữa kịp thời. Đội ngũ giáo viên không ngừng được củng cố tổ chức và bồi dưỡng thêm nghiệp vụ. Trong 5 năm (1976-1980), xã duy trì 8 lớp thuộc 2 cấp (I, II) với 10 giáo viên, tỷ lệ chuyển lớp, chuyển cấp đạt trên 75%.

Hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú ý thường xuyên, nhất là công tác phòng chống dịch bệnh. Cán bộ phong trào đã xuống tận cơ sở thôn, bản để tuyên truyền

sâu rộng trong nhân dân thực hiện các công tác giữ gìn vệ sinh, các công trình nhà vệ sinh được xây dựng mới. Cán bộ y tế xã đã tổ chức tốt công tác tiêm phòng tả TAB, sởi, dịch hạch nên đã ngăn chặn dịch bệnh xảy ra trên địa bàn.

Trong vấn đề xây dựng nếp sống văn hóa mới, Chi bộ tập trung lãnh đạo bài trừ mê tín, dị đoan, các hủ tục trong việc cưới, việc tang của đồng bào các dân tộc. Sau các đợt phát động xây dựng nếp sống mới, tình hình có chuyển biến tích cực. Đám tang được tổ chức đúng quy định nghi lễ, nếp sống mới, không ăn uống linh đình thay vào đó là những bữa cơm thân mật thăm đượm tình cảm gắn kết, hàng xóm láng giềng. Ngoài ra, tổ văn nghệ quần chúng của xã được duy trì nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương, hằng năm đều tham gia hội diễn văn nghệ của tỉnh và huyện.

Sau ngày thống nhất, mặc dù đất nước được hòa bình nhưng tình hình ở 2 đầu biên giới Tổ quốc vẫn luôn trong tình trạng căng thẳng và ngày càng phức tạp. Cuối năm 1978, tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Sary xua 19 sư đoàn, tiến hành các hành động xâm lấn biên giới phía Tây Nam. Tháng 2-1979, Trung Quốc huy động 600.000 quân tràn xuống 6 tỉnh biên giới nước ta, chiến tranh biên giới phía Bắc bùng nổ. Một lần nữa, Đảng và nhân dân ta lại bước vào cuộc chiến đấu mới bảo vệ độc lập dân tộc.

Tại Đức Vân, từ cuối năm 1978, quán triệt những chỉ đạo của cấp trên, Chi bộ Đảng xã đẩy mạnh củng cố an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Lực lượng dân quân xã được tăng cường, tích cực luyện tập,